



BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN** **2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG



MỤC LỤC

Phần

1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

Phần

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Phần

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Phần

4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phần

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Phần

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023
- Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2023



01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

TÊN GIAO DỊCH

Tên Công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Tên tiếng Anh:
LAM DONG INVESTMENT AND HYDAULIC CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: (0263) 3821 854

Fax: (0263) 3832 542

Website: www.lhc.com.vn

Email: xdthuyloild@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 5800000424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/07/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/08/2022

Vốn điều lệ: 144.000.000.000 đồng

CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu: LHC

Logo:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Bộ Tài chính tặng bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế

NĂM 2010



Bộ Xây dựng tặng Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam cho Công trình Hồ chứa nước Ka La, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

NĂM 2010



TOP 30

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2015 -2016

NĂM 2015 - 2016



TOP 15

Doanh nghiệp niêm yết xuất sắc nhất, là ứng viên cho vòng Bình chọn IR theo từng nhóm vốn hóa (Large Cap, Mid Cap, Small & Micro Cap) được công bố vào ngày 11/07/2022

NĂM 2022

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. <i>Chi tiết: khách sạn.</i>	5510
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. <i>Chi tiết:</i> - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
Cho thuê xe có động cơ. <i>Chi tiết: cho thuê ô tô, xe có động cơ khác.</i>	7710
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà làm việc, văn phòng, nhà ở. (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i>	6810
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. <i>Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản.</i>	6820
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i>	4299 (Chính)
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. <i>Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.</i>	7730
Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông. Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng. Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại. Khai thác, chế biến khoáng sản. (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

ĐỊA BÀN KINH DOANH: Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước.

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

**GIÁ TRỊ
CỐT LÕI**

SỨ MỆNH

Trở thành đơn vị xây lắp thi công chất lượng, an toàn, hiệu quả và là thương hiệu uy tín trên thị trường.

Đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng; Kiến tạo giá trị tương lai.

L: Lớn mạnh không ngừng

H: Hoàn thành đúng tiến độ

C: Chất lượng hàng đầu

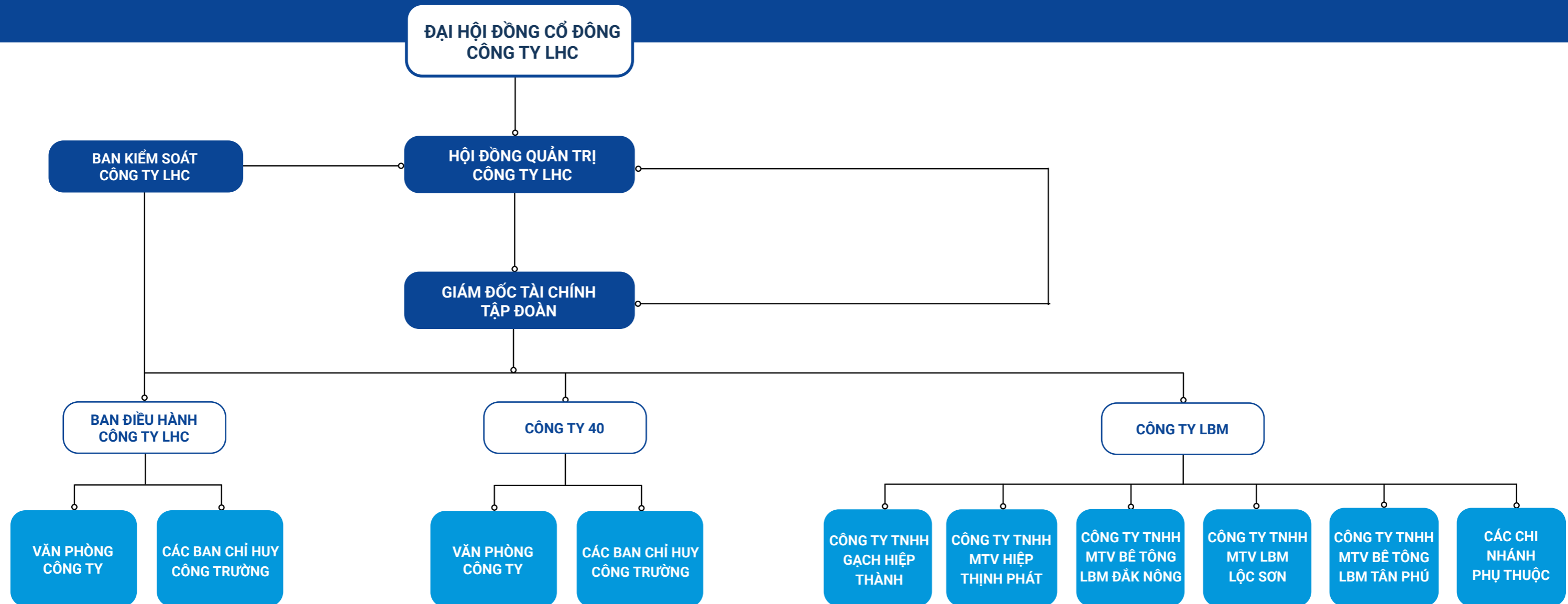
Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi hàng đầu Việt Nam.

Mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng, xã hội.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và có mô hình quản trị tính đến ngày 31/12/2023 như sau:



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

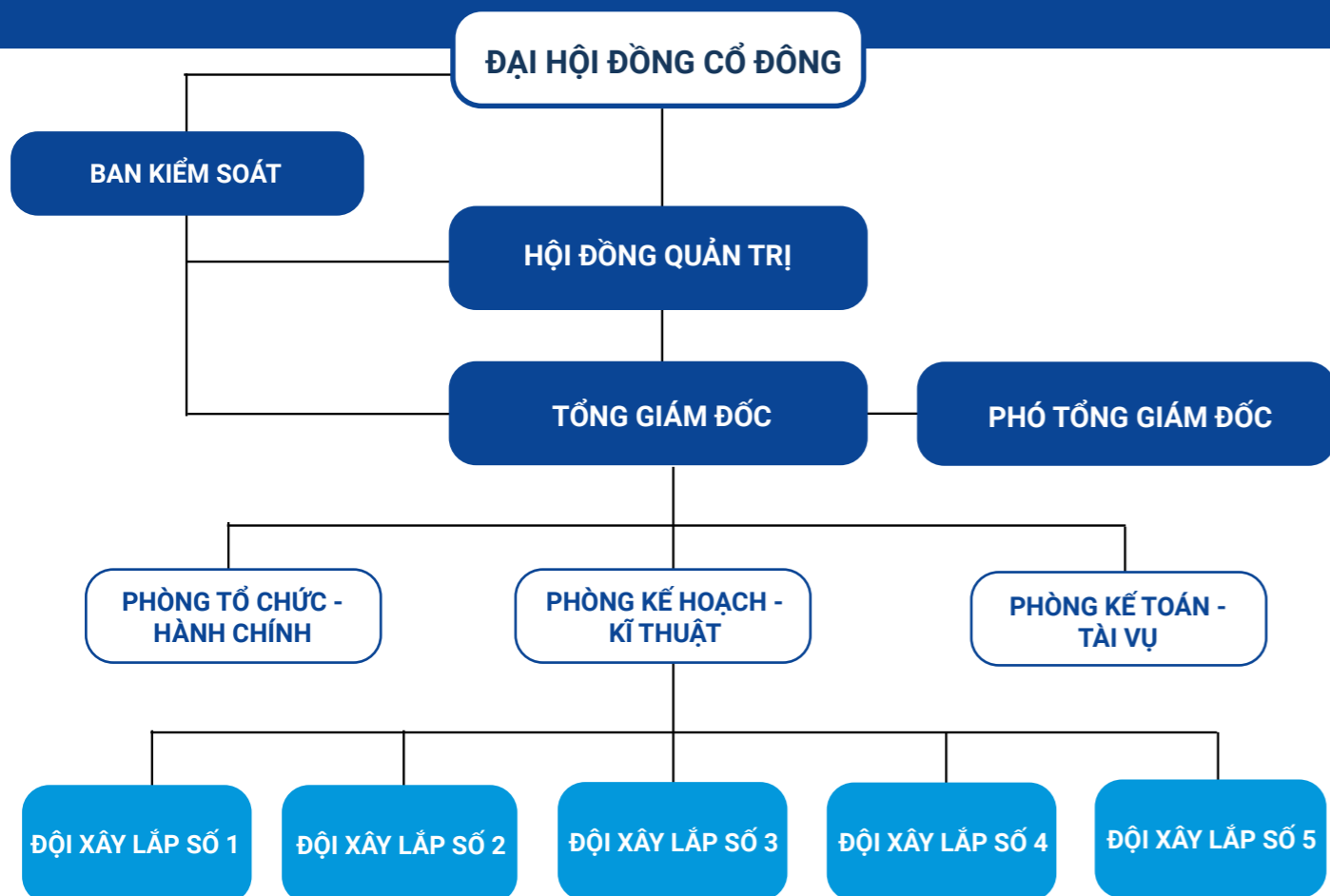
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG (LBM)

- Địa chỉ : 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Lĩnh vực SXKD chính : Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vốn điều lệ : 200 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 64,90%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40 (L40)

- Địa chỉ : 201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực SXKD chính : Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt
- Vốn điều lệ : 36 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 51,00%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU GIÁN TIẾP

CÔNG TY TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT

- Địa chỉ : 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Lĩnh vực SXKD chính : Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Vốn điều lệ : 5 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 64,90%

CÔNG TY TNHH GẠCH HIỆP THÀNH

- Địa chỉ : Số 14, thôn Hiệp Thành 1, xã Tam Bố, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
- Lĩnh vực SXKD chính : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Vốn điều lệ : 12,6 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 94,39%
- Tỷ lệ lợi ích: 61,26%

CÔNG TY TNHH MTV LBM LỘC SƠN

- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- Lĩnh vực SXKD chính : Sản xuất và kinh doanh bê tông
- Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 64,90%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG LBM ĐẮK NÔNG

- Địa chỉ : Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
- Lĩnh vực : Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Vốn điều lệ : 50 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 64,90%

CÔNG TY TNHH MTV LBM TÂN PHÚ

- Địa chỉ : Thửa đất 239, 289 TĐĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
- Lĩnh vực SXKD chính : Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn : 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 64,90%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi; mở rộng tham gia các công trình thủy lợi trọng điểm ở khu vực Nam Bộ, Tây Nguyên; tăng cường phát triển các hoạt động sản xuất, mảng kinh doanh chủ đạo tại các Công ty con.
- Hoàn thành tốt các mục tiêu được ĐHCĐ đề ra, xây dựng bộ máy quản trị Công ty chặt chẽ, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó nâng cao kết quả đầu ra cho các công trình mà Công ty đảm nhận.
- Tạo thêm cơ hội việc làm cho người lao động, tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh và lợi ích cho các cổ đông.
- Tôn trọng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc tuân thủ quy định về công bố thông tin hoạt động Đầu tư - Kinh doanh - Tài chính theo quy định của pháp luật.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phát triển vị thế, uy tín của Công ty trong ngành. Tối ưu hóa năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các dự án có vốn nước ngoài để nâng cao giá trị và thể hiện năng lực hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục đầu tư hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm đem lại lợi ích tối đa. Tăng cường hợp tác đầu tư, liên kết và mở rộng định hướng phát triển sang các ngành nghề có tiềm năng với quy mô lớn mạnh.
- Đào tạo, phát huy đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có trình độ và tận tâm với công việc, phù hợp với yêu cầu và định hướng phát triển của Công ty.
- Tăng cường đầu tư vào công nghệ hiện đại, các máy móc, trang thiết bị tiên tiến giúp tăng năng lực thi công cũng như hiệu quả lao động. Cải thiện công tác bảo dưỡng định kỳ thiết bị, đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
- Tập trung hoàn thành các công trình với đơn giá thấp, cố định để bàn giao.
- Lựa chọn đấu thầu các công trình giá tốt nhất; sắp xếp lại biên chế; đổi mới máy móc, thiết bị để tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, tạo ra giá thành công trình tốt nhất.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Công ty luôn đề cao các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu, xây dựng các quy định về bảo vệ môi trường để đội ngũ cán bộ công nhân viên tuân thủ và thực hiện. Đảm bảo các công trình thi công thực hiện đầy đủ nguyên tắc an toàn lao động, tạo nên môi trường làm việc xanh, sạch và hiệu quả.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, hạn chế tác động xấu đến môi trường do rủi ro đặc thù ngành như: Khí thải, nước thải gây ô nhiễm, đốt rừng,...

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Bên cạnh mục tiêu duy trì, phát triển hoạt động kinh doanh ở lĩnh vực xây dựng thủy lợi tại Việt Nam, Công ty đề cao chính sách phát triển bền vững, không chỉ vận dụng nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn đảm bảo hài hòa lợi ích xã hội và cộng đồng.
- Tuân thủ các quy định về Thuế, các nghĩa vụ và đóng góp xã hội khác. Tạo cơ hội việc làm và nhu cầu về thu nhập, đời sống cũng như môi trường cho người lao động. Hướng tới các mục tiêu vì cộng đồng và ổn định đời sống an sinh xã hội trong khu vực.
- Cải thiện công tác đào tạo và nâng cao trình độ làm việc của ban cán bộ, từ đó biến nguồn lực con người trở thành giá trị cốt lõi cho sự phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, đảm bảo thực hiện kịp thời, đầy đủ các nghĩa vụ về lương, thưởng, bồi dưỡng và củng cố sức khỏe, tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đưa ra các quy chế riêng nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe người lao động như tổ chức kiểm tra sức khỏe định kì, trang bị bảo hộ lao động theo tiêu chuẩn của Nhà nước và tăng cường tập huấn cho nhân viên.
- Xây dựng môi trường năng động, cạnh tranh và có lộ trình thăng tiến rõ ràng cho người lao động. Tiếp tục cải thiện chính sách đào tạo và tổ chức cho nhân viên các khóa học chuyên đề để nâng cao năng lực, từ đó xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tạo ra giá trị cốt lõi cho doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023 là một năm nhiều biến động đối với nền kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thế giới được các tổ chức quốc tế điều chỉnh so với dự báo trước đây; trong đó, Ngân hàng thế giới (World Bank) ghi nhận tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 đạt 2,1%, thấp hơn mức tăng 3,1% của năm 2022 và xu hướng khó khăn này có thể tiếp tục duy trì trong thời gian tới. Nhìn chung, triển vọng tăng trưởng suy giảm khi kinh tế toàn cầu năm 2023 phải đối mặt với hàng loạt thách thức lớn, đặc biệt đến từ sức ép lạm phát vẫn còn tiềm ẩn, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu ngày càng biến động cũng như phân mảnh về địa kinh tế. Xung đột quân sự Nga – Ukraina vẫn tiếp diễn cùng với bất ổn gia tăng tại Trung Đông, từ đó gây ra gián đoạn chuỗi cung ứng và hạn chế dòng chảy hàng hóa giữa các khu vực, gia tăng biến động giá.

Lạm phát toàn cầu theo Tổng cục Thống kê từ đầu năm đến nay có xu hướng giảm dần sau giai đoạn các nước tiến hành chính sách thắt chặt tiền tệ, đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với việc giá hàng hóa, năng lượng giảm. Nhưng so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Cũng theo báo cáo, sau 4 lần tăng lãi suất, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 5,25%-5,5% nhằm đưa lạm phát về mức mục tiêu.

Đứng trước các tác động lớn của tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng phục hồi nhẹ qua các quý nhưng vẫn thấp hơn so với điều kiện bình thường. Bối cảnh vĩ mô khó khăn cùng với giá cả leo thang khiến điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất suy giảm, nguyên nhân đến từ nhu cầu bên ngoài của các thị trường lớn trên toàn cầu tiếp tục suy yếu và lạm phát cơ bản tăng cao khiến sức mua của người tiêu dùng chưa có dấu hiệu hồi phục.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Vì thế, mọi hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng đến từ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Đấu thầu, hay Luật Đầu tư. Việc đổi mới pháp luật do các cơ quan quản lý đề ra, cùng nguy cơ những quy định hiện hành chưa sát với thực tiễn hoạt động xây dựng, khiến nhà thầu phải đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý làm phát sinh thêm chi phí vận hành.

Theo Tổng cục thống kê, GDP của Việt Nam trong năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023 và diễn biến với xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%, quý IV tăng 6,72%). Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 3,74% và tính riêng ngành xây dựng tăng 7,06%, đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế năm 2023. Đồng thời, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước trên toàn quốc trong năm 2023 ước đạt 625,3 nghìn tỷ đồng, bằng 85,3% kế hoạch năm và tăng 21,2% so với năm 2022. Các tín hiệu vĩ mô tích cực cùng với việc đẩy mạnh trong giải ngân vốn đầu tư công sẽ là động lực tăng trưởng cho nền kinh tế nói chung và có nhóm ngành có liên quan nói riêng.

Đặt cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế cả trong và ngoài nước, với mô hình kinh doanh hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi, thi công các công trình xây dựng,... Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được kỳ vọng sẽ hưởng lợi cùng với xu hướng giải ngân vốn đầu tư công đang tăng trưởng. Kết thúc năm tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và ghi nhận được những kết quả đáng trân trọng.

Với đặc thù chuyên môn của ngành xây dựng, tuân thủ pháp luật và xây dựng hành lang pháp lý chặt chẽ luôn nằm trong những tiêu chí quản trị quan trọng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng. Do đó, LHC luôn chú trọng trong vấn đề kiểm soát rủi ro pháp luật, giúp công tác kiểm tra và quản lý doanh nghiệp thuận lợi, khoa học hơn.

CÁC RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

Yếu tố cạnh tranh trong ngành thi công công trình dân dụng được đánh giá quan trọng và đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp. Đối với các đơn vị, quá trình đấu thầu thành công là yếu tố then chốt để có thể sở hữu dự án và tiến hành hoạt động kinh doanh, vì thế yêu cầu doanh nghiệp phải chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp với yêu cầu của khách hàng, bao gồm chứng minh cơ sở vật chất, máy móc hiện đại cùng đội ngũ lao động chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, thi công. Các doanh nghiệp xây dựng cần phải đảm bảo những yếu tố sau để nâng cao năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu:

- Số lượng công trình trúng thầu và giá trị trúng thầu hàng năm: Đấu thầu là một hình thức cạnh tranh đặc thù của các doanh nghiệp xây dựng. Trong đó, chất lượng của đơn vị thi công được đánh giá thông qua tình hình, kết quả dự thầu và chất lượng thực hiện công tác dự thầu hàng năm. Bên cạnh đó, thị phần và mức độ uy tín của doanh nghiệp cũng là yếu tố quan trọng quyết định xác suất trúng thầu đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực.

- Năng lực tài chính: Đặc trưng của ngành xây lắp cần lượng vốn lớn và vốn sẽ bị tồn đọng lâu ở các công trình, trước khi dự án được hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. Vì vậy, năng lực tài chính lành mạnh và ổn định để đảm bảo trong quá trình xây dựng cũng là yếu tố quyết định lợi thế của doanh nghiệp khi cạnh tranh thầu. Cụ thể, tình hình tài chính sẽ được chủ đầu tư xem xét trên các khía cạnh bao gồm quy mô vốn kinh doanh, khả năng huy động vốn trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp. Việc chuẩn bị và thực hiện tốt công tác quản trị tài chính sẽ góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, tạo dựng uy tín trên thị trường và duy trì đà phát triển bền vững trong dài hạn.

- Trang thiết bị, máy móc: Năng lực về thiết bị, công nghệ sản xuất sẽ được các nhà thầu giới thiệu trong hồ sơ, nhằm giúp chủ đầu tư đánh giá được khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu trong thi công công trình. Thông qua tổng giá trị các tài sản là máy móc và thiết bị hiện có, trình độ hiện đại của công nghệ thi công cũng như mức độ phù hợp với đặc thù về địa lý, khí hậu, nguyên vật liệu,... doanh nghiệp có thể chứng minh năng lực sản xuất cũng như đảm bảo khi đảm nhiệm dự án, từ đó quyết định xác suất thắng thầu cho doanh nghiệp.

Đặt trong môi trường mang tính cạnh tranh cao, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng luôn chú trọng nắm bắt thị trường, cập nhật nhu cầu của khách hàng và tiếp tục cải thiện năng lực hoạt động xây dựng và thi công. Bên cạnh đó, Công ty sở hữu đội ngũ kỹ sư, nhân viên với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, giúp đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như yêu cầu khắt khe đến từ phía chủ dự án. Từ đó, năng lực cạnh tranh của Công ty luôn được nâng cao, giúp LHC tạo ra giá trị cốt lõi.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO DỰ ÁN

Rủi ro dự án đề cập đến các vấn đề phát sinh trong quá trình đấu thầu và thi công của các doanh nghiệp. Với đặc thù ngành thi công công trình, việc các hợp đồng kéo dài tiến độ sẽ làm ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu công trình và khiến doanh nghiệp đối mặt với tình trạng vòng quay vốn chậm. Vì vậy, trong xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, nguồn vốn của Công ty cần phải đủ lớn để đáp ứng chi phí thi công trong thời gian dài trước khi công trình hoàn thành và được bàn giao.

Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi khá lớn. Trong đó gồm vốn ngân sách trung ương, tỉnh, địa phương là chủ yếu. Các dự án công trình thủy lợi là lĩnh vực rất khó huy động xã hội hóa, đòi hỏi doanh nghiệp phải huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm lượng vốn được tài trợ từ vay ngân hàng.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Với trách nhiệm của bên nhận thầu trong quá trình thi công công trình xây dựng, Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh. Trong đó, các yếu tố rủi ro môi trường mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt trong kinh doanh có thể kể đến như nguồn nước thải, khí thải, chất thải khi thi công có thể gây suy giảm đến tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, trong quá trình phát triển dự án, từ giai đoạn giải phóng mặt bằng cho đến lúc thi công, Công ty không thể tránh khỏi các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Vi thế, yếu tố lãi suất sẽ có tác động đến doanh nghiệp có tỷ lệ thâm dụng vốn cao, đặc biệt trong thời kỳ khả năng tiếp cận nguồn vốn ngày càng khó khăn và tỷ lệ lãi suất biến động mạnh.

Đặt cạnh những khó khăn trong năm, Ban lãnh đạo LHC luôn theo dõi tiến độ thanh toán của từng hợp đồng, tăng cường đội ngũ quản lý nguồn vốn lưu động, xử lý nợ tồn đọng, đồng thời cung cấp đầy đủ thiết bị, máy móc, và nguyên vật liệu cho các công trình.

Vi vậy, LHC luôn nỗ lực hoàn thiện hơn chính sách bảo vệ môi trường, tổ chức các công tác đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp nhằm giảm thiểu các ảnh hưởng xấu như giảm thiểu tiếng ồn từ công trình, hạn chế thi công vào ban đêm đối với các khu vực đông dân cư, xử lý nước thải và đảm bảo vệ sinh ở khu vực đang thi công theo đúng quy định.

CÁC RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngành xây dựng chịu rủi ro lớn đến từ các yếu tố đầu vào, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu do đặc trưng ngành này có biên lợi nhuận thấp. Trong xây dựng công trình thủy lợi, các vật liệu có ảnh hưởng chính đến quá trình thi công bao gồm xi măng và thép.

Theo Báo cáo của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), tình hình sản xuất và giá thép ghi nhận mức giảm so với mức nền năm 2022, đến từ một số nguyên nhân chính: (1) nền kinh tế Trung Quốc đang chứng lại ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu thép trên toàn cầu, (2) tỷ lệ tận dụng nhà máy sản xuất thép thế giới ngày một suy giảm do nhu cầu thị trường kém khả quan. Việc giá thành thép đầu vào kém ổn định đã và đang tạo áp lực lớn cho ngành thép nói chung và các khu vực có liên quan khác nói riêng.

RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Vi đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thi công các công trình xây dựng, dẫn đến người lao động phải thường xuyên làm việc trong các điều kiện tự nhiên khắc nghiệt như: thời tiết khó khăn, máy móc thiết bị nặng, sử dụng nhiều nhân công, tiến độ thi công gấp,... khiến cho các yếu tố về rủi ro an toàn lao động tăng lên cao. Bên cạnh thực hiện các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, Công ty còn chịu trách nhiệm cho công trình phụ cận.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro có thể phòng ngừa, kiểm soát, doanh nghiệp còn có thể phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như động đất, bão, lũ, lở đất hay chiến tranh, dịch bệnh,... Dù không thường xuyên xảy ra nhưng những rủi ro này có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, việc phòng ngừa và giảm thiểu tác động của các rủi ro bất khả kháng là một trong những nhiệm vụ luôn được ưu tiên.

Tính riêng về xi măng, giá mặt hàng này trong năm 2023 diễn biến tương đối ổn định, trung bình ở mức 1,4 - 1,6 triệu đồng/tấn theo thống kê từ Bộ Xây dựng. Hầu hết các doanh nghiệp xi măng vẫn giữ nguyên giá bán so với lần tăng giá gần nhất. Bên cạnh đó, việc sở hữu các công ty con chuyên sản xuất bê tông, đá, bentonite cùng các nguyên liệu đầu vào khác (CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông,...) cũng góp phần ổn định chi phí sản xuất cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh sản xuất.

Vấn đề cập nhật và tối ưu nguồn nguyên vật liệu đầu vào đặt ra những thách thức cho ngành cũng như Công ty nói riêng, tuy nhiên Ban lãnh đạo LHC đã luôn chủ động đề ra các phương án phòng ngừa, giám sát hàng tồn kho chặt chẽ cũng như lên kế hoạch để hạn chế biến động lớn giá thị trường của vật liệu xây dựng, chú trọng giữ các mối quan hệ và ký kết hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp.

Nếu không thực hiện công tác giám sát an toàn lao động, khi xảy ra sự cố liên quan, nhà thầu thi công phải chịu phần lớn trách nhiệm và có thể gây tổn thất về mặt tài chính. Hiện nay, LHC đã và đang triển khai xây dựng các quy trình, quy định về an toàn lao động, bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, đầu tư mới các trang thiết bị xây dựng và đảm bảo trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cũng như các gói bảo hiểm cần thiết cho người lao động.

Để thực hiện tốt công tác phòng ngừa, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp truyền thông linh hoạt, lên kế hoạch, phương án cần thiết để ứng phó với các rủi ro bất khả kháng, từ đó hạn chế mức thấp nhất các tổn thất có thể xảy ra.





02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2022	KH 2023	TH 2023	% TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
1	Doanh thu thuần	1.416.509	1.200.000	1.119.271	93,27%	79,02%
2	Giá vốn hàng bán	1.141.790	-	842.466	-	73,78%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	141.183	-	155.869	-	110,40%
4	Lợi nhuận trước thuế	147.993	144.000	161.293	112,01%	108,99%
5	Lợi nhuận sau thuế	116.800	-	126.275	-	108,11%

Năm 2023, trước tình hình kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng đến từ các tác động của suy thoái toàn cầu, Nhà nước và Chính phủ đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm thúc đẩy chính sách phát triển, đặc biệt là giải ngân đối với lĩnh vực đầu tư công. Xét trong bối cảnh ngành xây dựng, các doanh nghiệp hiện nay còn đối mặt với thách thức đến từ giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn còn nhiều biến động, thị trường vốn kém ổn định khi lãi suất cho vay đã giảm sâu nhưng tăng trưởng tín dụng chưa đạt kế hoạch đề ra trong năm 2023. Bên cạnh đó, tình trạng giải ngân vốn đầu tư công còn nhiều khúc mắc. Theo UBND tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 01/12, chỉ có 3.782,4 tỷ đồng được giải ngân trên tổng vốn 7.208,3 tỷ đồng, đạt 52,5% kế hoạch (giảm 6,6% so với cùng kỳ).

Trước những biến động mạnh của thị trường nói chung cũng như ngành xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi nói riêng, Ban lãnh đạo LHC đã đề ra những chủ trương trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình, cắt giảm chi phí hiệu quả và từ đó ghi nhận những kết quả đáng trân trọng.

Nhìn chung, chịu ảnh hưởng từ xu hướng chung của ngành, doanh thu đến từ lĩnh vực thi công xây dựng ghi nhận giảm so với cùng kỳ khi trong năm Công ty không phát sinh thêm công trình mới. Trong năm, số lượng dự án được cấp phép trên địa bàn bị ảnh hưởng tiêu cực khi nhu cầu mở rộng sản xuất công nghiệp vẫn ở mức thấp đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận 1.119.271 triệu đồng, đạt 79,02% so với năm 2022 và 93,27% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra đầu năm.

Tuy nhiên, càng về cuối năm, doanh thu đến từ lĩnh vực thi công xây lắp tại Công ty mẹ LHC có dấu hiệu khởi sắc khi dần hoàn thiện bàn giao các công trình trúng thầu còn tồn đọng, từ đó giúp cho Công ty có được những kết quả khả quan so với tình hình chung của thị trường.

Đồng thời, dù chi phí nguyên vật liệu xây dựng còn biến động mạnh trong năm, song LHC đã kiểm soát tốt giá vốn đầu vào và khiến cho biên lợi nhuận gộp trong năm 2023 vẫn có mức tăng trưởng tốt. Kết thúc năm tài chính, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 161.293 triệu đồng và 126.275 triệu đồng, tương ứng tăng 8,99% và 8,11% so với cùng kỳ năm ngoái/

CƠ CẤU DOANH THU TỪNG MẢNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	2022		2023		% TH 2023/ TH 2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu thi công	1.261.413	89,00%	993.715	88,74%	78,78%
2	Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	74.504	5,26%	44.252	3,95%	59,40%
3	Doanh thu gồm sứ chịu lửa	33.940	2,39%	32.241	2,88%	94,99%
4	Doanh thu gạch	31.406	2,22%	21.394	1,91%	68,12%
5	Doanh thu cao lanh	11.864	0,84%	23.938	2,14%	201,77%
6	Doanh thu điện năng lượng mặt trời	4.147	0,29%	4.268	0,38%	102,93%
Tổng cộng		1.417.275	100,00%	1.119.809	100,00%	79,01%

Doanh thu hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng đến chủ yếu từ hoạt động thi công, xây dựng khi trong năm 2023, doanh thu đến từ mảng này chiếm 88,74% trong tổng cơ cấu (tương ứng đạt 993.715 triệu đồng). Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm ngoái, doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận giảm 267.698 triệu đồng, tương đương 21,22% và từ đó tác động tiêu cực lên tổng doanh thu của Công ty.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trong doanh thu của mảng này là do nhu cầu mở rộng xây dựng công trình còn ở mức thấp trong năm 2023, giá cả nguyên vật liệu xây dựng tăng cao làm giảm thiểu khả năng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì không phát sinh thêm các dự án mới, doanh thu hoạt động thi công, xây dựng trong năm đến từ việc các công trình cũ mà Công ty đảm nhiệm đã gần hoàn thiện hết các hạng mục và đang tiến hành bàn giao lại cho các bên chủ dự án.

Bên cạnh đó, doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ tại Công ty con LBM trong năm 2023 ghi nhận 44.252 triệu đồng (giảm 30.252 triệu đồng, tương đương với 40,60% so với năm 2022). Điều này phần lớn đến từ việc kinh doanh vật liệu xây dựng gặp khó khăn dưới ảnh hưởng thời tiết tiêu cực tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, nhu cầu về vật tư xây dựng của các đơn vị sản xuất cũng bị ảnh hưởng xu hướng chung thị trường.

Ngoài ra, các hoạt động sản xuất khác của Công ty ghi nhận không có quá nhiều thay đổi so với năm ngoái. Trong đó, doanh thu cao lanh là một trong những hoạt động ghi nhận kết quả tốt khi tăng từ 11.864 triệu đồng lên 23.938 triệu đồng trong năm 2023 (tương ứng đạt 201,77% so với thực hiện năm 2022).

Tổng kết năm 2023, mặc dù doanh thu ghi nhận giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên công tác quản lý chi phí cũng như điều hành hoạt động kinh doanh tốt đã giúp lợi nhuận cuối kỳ của Công ty tăng trưởng. Việc doanh nghiệp ghi nhận được những kết quả đáng trân trọng như trên phần lớn nhờ vào nỗ lực của Ban lãnh đạo khi đã luôn chủ động bám sát những biến động của thị trường, cũng như sự quan tâm, chỉ đạo chỉ đạo sát sao đến từ Hội đồng quản trị cùng toàn thể CBCNV đã giúp LHC ngày càng phát triển và hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng, thi công công trình.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính tại ngày 31/12/2023)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600	0,64%	-
2	Trần Đại Hiền	Phó TGD	0	0%	-
3	Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng	-	-	Miễn nhiệm ngày 01/10/2023
		Giám đốc tài chính	37.000	0,26%	Bổ nhiệm ngày 01/10/2023
4	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	21.004	0,15%	Bổ nhiệm ngày 01/10/2023

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2024.

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ VĂN QUÝ - TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 1976
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Thời gian	Quá trình công tác
07/1999- 07/2007 :	Trưởng phòng Kế hoạch – kỹ thuật Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Lâm Đồng
08/2007 - 01/2012 :	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
02/2012 - 07/2020 :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2016 - nay :	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
04/2016 - 04/2021 :	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
07/2020 - nay :	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Tổng Giám đốc .
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM).
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : - Sở hữu cá nhân: 91.600 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ.
- Đại diện: Không có

Ông TRẦN ĐẠI HIỀN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 1972.
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân, chuyên ngành quản lý sản xuất kinh doanh công nghiệp

Thời gian	Quá trình công tác
08/2013 - 01/2022 :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
04/2017 - nay :	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
02/2022 - nay :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh : 1987.
- Nơi sinh : Sơn La.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Thời gian	Quá trình công tác
30/06/2012 - nay :	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng.
01/10/2023 - nay :	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 21.004 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông HẦU VĂN TUẤN - GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

- Năm sinh : 1966.
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Thời gian	Quá trình công tác
01/1988 – 11/1992:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp vật liệu xây dựng cơ bản - Công ty Công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng
12/1992 – 03/1999:	Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
04/1999 – 04/2000:	Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
05/2000 – 07/2000:	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
08/2000 - 08/2017:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
03/2013 - nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
12/2015 - 12/2019:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
01/2020 - 12/2020:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
09/2017 - 04/2021:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2021 - 10/2023:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
28/04/2022 - nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
01/10/2023 - nay:	Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Giám đốc tài chính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 37.000 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

Căn cứ Nghị quyết 07/2023/NQ – ĐHĐCĐ ngày 26/09/2023:

- Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Hầu Văn Tuấn kể từ ngày 01/10/2023.
- Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Thu Hương kể từ ngày 01/10/2023.
- Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính đối với Ông Hầu Văn Tuấn kể từ ngày 01/10/2023.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Chỉ tiêu	2022		2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	57	100,00%	56	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	20	35,09%	20	35,71%
2	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	34	59,65%	28	50,00%
3	Lao động phổ thông	3	5,26%	8	14,29%
II	Theo giới tính	57	100,00%	56	100,00%
1	Nam	52	91,23%	51	91,07%
2	Nữ	5	8,77%	5	8,93%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	57	100,00%	56	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	4	7,02%	9	16,07%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	53	92,98%	47	83,93%
	Tổng cộng	57	100,00%	56	100,00%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	58	55	57	56
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.000.000	9.200.000	11.000.000	10.400.000

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Chính sách tuyển dụng phù hợp là một trong những yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển, gắn bó của nhân viên với Công ty. Ngoài ra, thực hiện chính sách tuyển dụng tốt sẽ giúp tổ chức dễ thu hút nhân tài cũng như để lại được ấn tượng tốt với người tìm việc. Với định hướng tuyển dụng lao động từ cộng đồng địa phương, LHC chú trọng tạo thêm cơ hội việc làm và góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế tại nơi Công ty vận hành và hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện chính sách, chương trình tuyển dụng và đào tạo người lao động, từ đó nâng cao chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ nhân viên, bồi dưỡng nhân sự trở thành giá trị cốt lõi cho doanh nghiệp.

Mỗi vị trí công việc được xác định đúng tiêu chí và chuẩn mực riêng, kèm theo mô tả công việc cụ thể, và được thực hiện theo quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp, liên tục cải tiến quy trình tuyển dụng và xây dựng khung năng lực, nhằm lựa chọn ra những ứng viên phù hợp nhất với nhu cầu và văn hóa doanh nghiệp. Thông tin về các vị trí tuyển dụng được công bố công khai trên website cũng như qua các kênh tuyển dụng uy tín khác, nhằm đảm bảo tính công bằng, từ đó nâng cao uy tín của thương hiệu trên thị trường lao động.

VỀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nhân sự trong doanh nghiệp là một khâu vô cùng quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực toàn diện. Vì thế, mọi doanh nghiệp cần phải có chiến lược bền vững trong công tác đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ và chuyên môn. Xét về tình hình đào tạo tại LHC, Công ty hiện đang tập trung phát triển nhân viên theo tiêu chí tự đào tạo, dành sự quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ. Mục tiêu dài hạn là bồi dưỡng nhân viên có tác phong làm việc chuyên nghiệp, linh hoạt trong nhiều hoàn cảnh kinh doanh và thích nghi tốt với các đề án mà Ban lãnh đạo đề ra, luôn cống hiến và trách nhiệm với công việc của bản thân, tập thể.

Với đặc thù ngành thi công công trình yêu cầu đội ngũ kỹ sư và nhân viên của Công ty phải có đủ kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm làm việc. Vì thế, LHC thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện kỹ năng cho nhân viên, rút ngắn thời gian làm quen với công việc của nhân viên mới, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp trung. Đồng thời, Công ty còn khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhân viên thông qua các buổi trao đổi và thảo luận, nhằm thúc đẩy sự học hỏi và phát triển trong tổ chức.

VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với sự cạnh tranh ngày càng cao trong thị trường lao động, bên cạnh việc giữ chân nhân viên bằng thu nhập và các chế độ đãi ngộ tốt thì điều kiện về môi trường làm việc cũng là một trong những lý do để nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty. thấu hiểu được tâm lý của nhân viên, LHC luôn đảm bảo cơ sở vật chất tại nơi làm việc đầy đủ, tiện nghi, phục vụ cho mọi nhu cầu cần thiết. Bên cạnh đó, vì đặc thù ngành xây dựng khiến người lao động thường xuyên phải đối mặt với các rủi ro an toàn lao động, LHC cũng chú trọng trong việc trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ nhằm hạn chế tốt nhất các tác động có ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Không chỉ đầu tư vào cơ sở vật chất, Công ty cam kết xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, nơi mỗi nhân viên có thể phát triển năng lực của mình, thể hiện tinh thần trách nhiệm và chia sẻ khát vọng cùng với thành tựu của LHC. Công ty đặt sự phát triển và hạnh phúc của nhân viên lên hàng đầu bằng việc tạo ra một môi trường làm việc mà mỗi cá nhân đều tự hào là một phần của Công ty, không ngừng xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh và cung cấp các cơ hội để nhân viên liên tục bồi dưỡng, nâng cao và phát triển bản thân.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, việc đảm bảo lương, thưởng và phúc lợi cho CBCNV là một trong những ưu tiên hàng đầu của LHC, nhằm đảm bảo ổn định nguồn nhân lực lâu dài. Các chế độ đãi ngộ, chính sách lương, thưởng luôn được Công ty tùy chỉnh theo đúng trường hợp và nguyện vọng của nhân viên. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động được thỏa mãn và tạo động lực để họ hoàn thành được công việc, mục tiêu chung mà Công ty đề ra.

Hiện tại, Công ty đang áp dụng chế độ làm việc theo Luật lao động và nội quy của Công ty, đảm bảo không vượt quá 48 giờ/tuần. Bên cạnh đó, người lao động còn được hưởng đầy đủ các ngày nghỉ Lễ, Tết cùng các ngày nghỉ hưởng nguyên lương, đối với các trường hợp đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động. Ban lãnh đạo Công ty sẵn sàng lắng nghe các chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của người lao động để không ngừng cải thiện các chính sách phúc lợi qua từng năm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ VÀ MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

STT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá (đồng)
01	Cần dài máy đào	01 chiếc	130.000.000
02	Búa thủy lực Xcentric XR15 gắn máy đào	01 chiếc	194.444.444
03	Xà lan thép (5m x 12m x 1,3m)	01 chiếc	618.181.818
04	Máy định vị Oscar GNSS Ultimate	01 chiếc	92.700.000
05	Máy đầm cóc Mikasa MT77HRL	01 chiếc	34.181.818
Tổng cộng			1.069.508.080

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BÁN, THANH LÝ

STT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá (đồng)
01	Xe Daewoo 49X 4637 (15 tấn)	01 chiếc	1.364.873.000
02	Xe Daewoo 49X 4870 (15 tấn)	01 chiếc	1.346.523.638
03	Xe Daewoo 49X 6531 (15 tấn)	01 chiếc	1.433.352.143
04	Xe Daewoo 49X 6541 (15 tấn)	01 chiếc	1.422.556.143
05	Máy đào Komatsu PC120 (BS 49XA 0175)	01 chiếc	1.072.727.273
06	Máy đào Komatsu PC60 (BS 49XA 0181)	01 chiếc	400.000.000
07	Máy đào Komatsu PC60 (BS 49XA 0195)	01 chiếc	400.000.000
08	Máy ủi Komatsu D41-3	01 chiếc	50.000.000
09	Máy đầm rung Dynapac CA602PD (BS 49SA 0078)	01 chiếc	1.200.000.000
10	Xe xúc lật Furukawa FL (BS 49LA 0288)	01 chiếc	254.545.455
11	Xe cầu bánh xích Komatsu CD40C (BS 49XA 0189)	01 chiếc	133.333.333
Tổng cộng			9.077.910.985

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Vốn điều lệ	200.000	200.000	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	713.007	769.876	107,98%
3	Doanh thu thuần	1.113.268	901.724	81,00%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	260.947	263.447	100,96%
5	Lợi nhuận khác	1.077	599	55,62%
6	Lợi nhuận trước thuế	151.632	159.877	105,44%
7	Lợi nhuận sau thuế	121.439	125.241	103,13%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Vốn điều lệ	36.000	36.000	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	155.137	185.797	119,76%
3	Doanh thu thuần	167.129	110.598	66,18%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.559	5.849	164,34%
5	Lợi nhuận khác	6.417	3.174	49,46%
6	Lợi nhuận trước thuế	244	1.395	571,72%
7	Lợi nhuận sau thuế	(769)	1.110	-

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



NẠO VẾT SUỐI TÂN LẬP, HUYỆN ĐẠ TÊH

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG



01. THI CÔNG CÔNG TRÌNH NẠO VẾT SUỐI TÂN LẬP, HUYỆN ĐẠ TÊH

- **Tên Dự án:** Nạo vét Suối Tân Lập, huyện Đạ Tẻh
- **Tên nhà thầu:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- **Tên nhà đầu tư:** Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình công cộng Huyện Đạ Tẻh
- **Thời gian thực hiện:** 17 tháng (hoàn thiện và bàn giao công trình)
- **Ngày khởi công:** 01/08/2022

02. NÂNG CẤP KÊNH CHÍNH ĐẠ RÒN; KÊNH CẤP 1 CAM LY THƯỢNG VÀ KÊNH N3 ĐẠ ĐỜN

Thi công nâng cấp kênh chính Đạ Ròn; Kênh Cấp 1 Cam Ly Thượng và Kênh N3 Đạ Đờn

- **Tên Dự án:** Nâng cấp Kênh chính Đạ Ròn; Kênh Cấp 1 Cam Ly Thượng và Kênh N3 Đạ Đờn
- **Bên nhận thầu:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- **Tên nhà đầu tư:** Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng
- **Thời gian thực hiện:** 12 tháng
- **Ngày khởi công:** 10/09/2021

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG



03. XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ĐÔNG THANH, HUYỆN LÂM HÀ

Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị hạng mục cụm công trình đầu mối và công trình quản lý, vận hành

- **Tên Dự án:** Xây dựng Hồ chứa nước Đông Thanh, huyện Lâm Hà
- **Bên nhận thầu:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (đảm nhận thực hiện thi công trọn gói bao gồm thực hiện cơ khí và một phần đập)
- **Tên nhà đầu tư:** Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình công cộng huyện Lâm Hà
- **Thời gian thực hiện:** 24 tháng (ngày hoàn thành: ngày 22 tháng 12 năm 2023)
- **Ngày khởi công:** Sau 10 ngày kể từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công công trình



XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ĐÔNG THANH, HUYỆN LÂM HÀ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC KA ZAM, HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG



04. XÂY DỰNG HỒ CHỨA KA ZAM, HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cụm công trình đầu mối

- **Tên Dự án:** Xây dựng Hồ chứa nước Ka Zam, huyện Đơn Dương
- **Bên nhận thầu:** Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 - Công ty Cổ phần Xây dựng 47
- **Tên nhà đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện Đơn Dương
- **Thời gian thực hiện:** 810 ngày kể từ ngày khởi công công trình
- **Ngày khởi công:** 23/11/2023

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.030.890	1.098.510	106,56%
2	Doanh thu thuần	1.416.509	1.119.271	79,02%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	141.183	155.869	110,40%
4	Lợi nhuận trước thuế	147.993	161.293	108,99%
5	Lợi nhuận sau thuế	116.800	126.275	108,11%

DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT CẢ NĂM 2023

1.119.271

 Triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT CẢ NĂM 2023

126.275

 Triệu đồng

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu - Hợp nhất	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,98	1,42
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	40,57	37,23
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	68,27	59,30
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,13	5,70
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,46	1,05
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,25	11,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,65	19,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,03	11,86
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,97	13,93

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

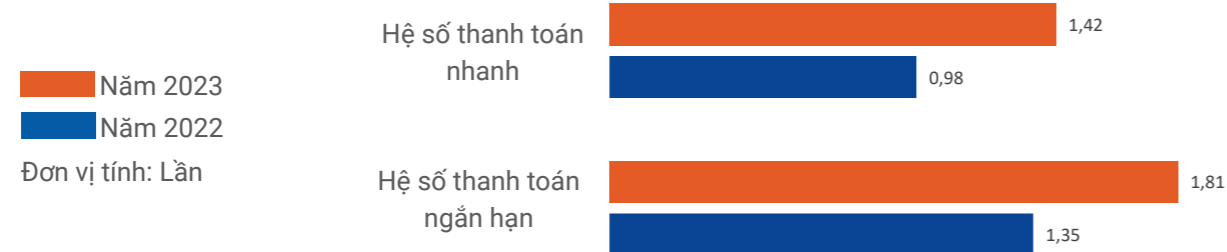
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Xét về các chỉ số đo lường mức độ thanh toán của Công ty, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều có sự thay đổi đáng kể so với năm 2022 với mức tăng lần lượt từ 1,35 lên 1,81 lần và từ 0,98 lên 1,42 lần trong năm 2023.

Tính tại thời điểm 31/12/2023, tài sản ngắn hạn có mức tăng tương đối, chịu ảnh hưởng từ việc Công ty chi trả trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gần Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cũng như phải thu ngắn hạn đối với các đối tượng liên quan tăng lên. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tăng 102.807 triệu đồng (tương đương tăng 18,42% so với năm 2022).

Bên cạnh đó, việc tiến hành thanh toán các khoản nợ còn tồn đọng trong năm cho nhà cung cấp cũng như các khoản Thuế và phải nộp cho Nhà nước, khiến nợ phải trả ngắn hạn giảm, từ đó khiến tính thanh khoản của Công ty trở nên khả quan hơn.

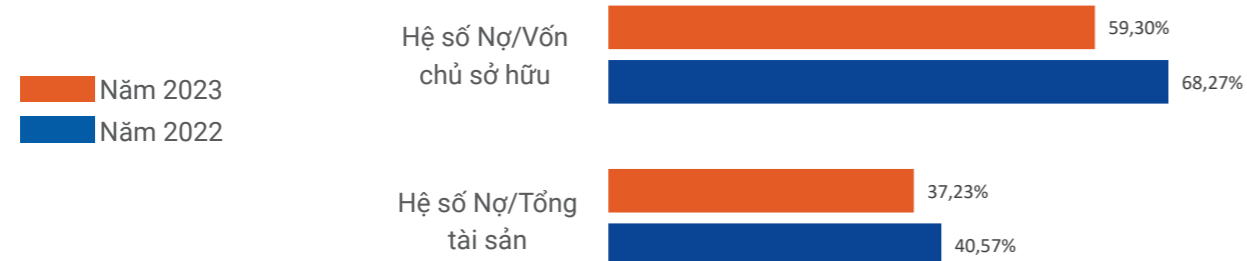
Đồng thời, hệ số thanh toán nhanh cũng có mức tăng tương ứng. Nguyên nhân đến từ việc lượng hàng tồn kho không đổi trong khi nợ ngắn hạn giảm do xu hướng hạn chế nhập mới hàng tồn kho trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Đánh giá tổng quan, các chỉ tiêu đo lường khả năng thanh toán cho thấy Công ty vẫn đảm bảo được khả năng chi trả cho các khoản nợ trong ngắn hạn.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đánh giá tổng quan về tình hình cơ cấu vốn của LHC, thông qua việc giải quyết tương đối các khoản nợ còn tồn đọng trong năm ngoái, tình trạng tài chính của doanh nghiệp đã có chuyển biến tích cực. Tuy trong năm, Công ty có phát sinh khoản nợ vay dài hạn mới đến từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để tài trợ cho mục đích vốn lưu động nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng khoản mục này không tác động quá đáng kể đến chỉ tiêu về cơ cấu vốn. Nhìn chung, chỉ tiêu cơ cấu vốn của LHC được đánh giá ở mức an toàn so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

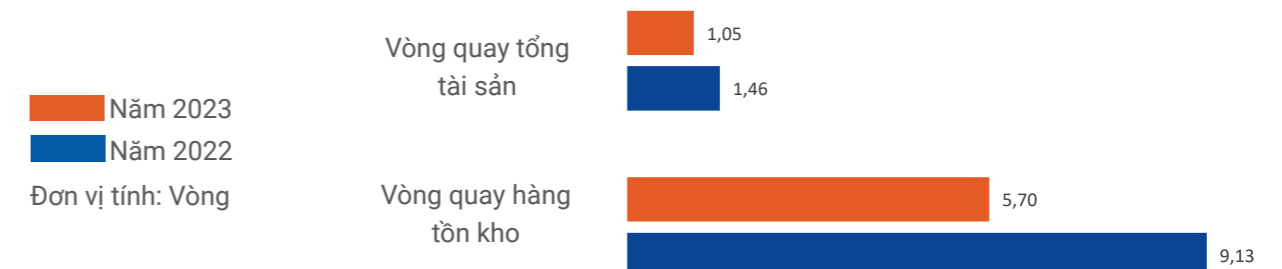
Theo đó, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm xuống từ 40,57% xuống 37,23%. So với năm 2022, Công ty đã cắt giảm các khoản chi mua hàng tồn kho cùng với việc giải quyết các khoản phải thu của khách hàng, điều chỉnh khả năng thanh toán của doanh nghiệp trở nên linh hoạt hơn, phù hợp với tình hình chung của ngành. Bên cạnh đó, với mức lợi nhuận giữ lại sau thuế tăng do kết quả kinh doanh được cải thiện cùng với hệ số nợ giảm khiến chỉ tiêu về Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm xuống từ 68,27% xuống 59,08% trong năm 2023, từ đó phản ánh tình trạng tài chính của Công ty luôn ở mức tốt.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn trước các tác động lớn của thị trường, từ đó khiến doanh thu sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, nhờ vào việc thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí đầu vào, LHC đã cải thiện các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty. Cụ thể, chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm về mức 5,70 vòng, giảm 3,43 vòng so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, vòng quay Tổng tài sản ghi nhận giảm từ 1,46 vòng xuống 1,05 vòng trong năm 2023.

Nhìn chung, đây là những kết quả tương đối khả quan so với doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Hiện nay, Công ty đã có những giải pháp cụ thể để phòng ngừa các rủi ro liên quan đến hàng tồn kho và kiểm soát tốt giá vốn đầu vào. Ngoài ra, với định hướng tập trung hoàn thành các công trình với đơn giá thấp, cố định để bàn giao là động lực để cải thiện chỉ số vòng quay hàng tồn kho cũng như vòng quay tổng tài sản cho LHC.



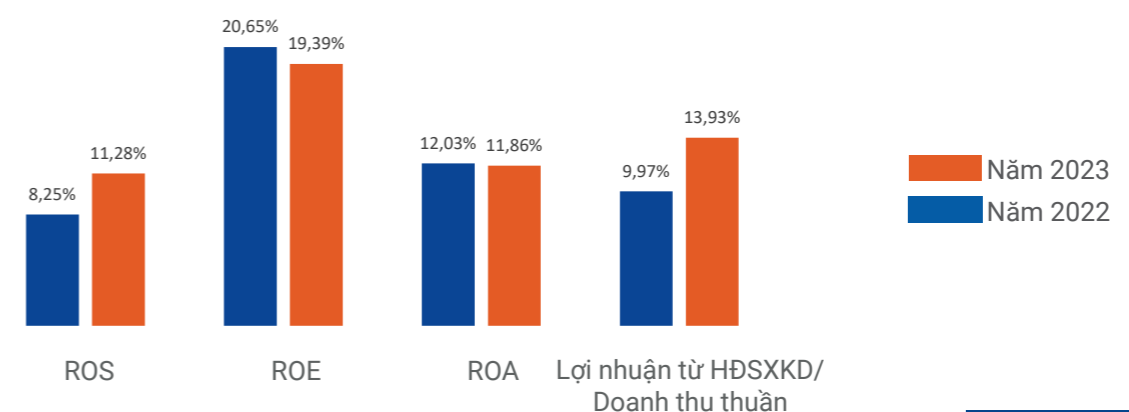
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trước nhiều thách thức và khó khăn phải đối mặt trong năm 2023 cho không chỉ ngành xây dựng mà còn đối với tình hình chung của toàn nền kinh tế, ban lãnh đạo của LHC đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra trong năm, điều chỉnh định hướng phát triển phù hợp với biến động và đạt được những kết quả đáng trân trọng.

Trong đó, các chỉ số đo lường khả năng sinh lời của doanh nghiệp bao gồm ROS và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đều có mức tăng ổn định, lần lượt đạt 11,28% và 13,93%.

Mặc dù doanh thu có sự suy giảm so với năm 2022 do số lượng công trình, dự án mới thu hẹp, tuy nhiên Công ty đã có chính sách cắt giảm cũng như kiểm soát tốt chi phí đã khiến lợi nhuận sau thuế ghi nhận tăng trưởng dương (tăng 9.474 triệu đồng, tương đương 8,11%), đóng góp phần lớn cho kết quả đến từ doanh thu của lĩnh vực thi công công trình tại Công ty mẹ.

Ngoài ra, chỉ số ROA và ROE trong năm không có thay đổi đáng kể, lần lượt đạt 11,86% và 19,39%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

144.000.000.000

Đồng

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

14.400.000

Cổ phiếu

MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU

10.000 VND/Cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

0 Cổ phiếu

LOẠI CỔ PHẦN: Cổ phần phổ thông

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ danh sách cổ đông 20/03/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng Cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	377	11.736.920	81,51%
1	Cổ đông nhà nước	0	0	-
2	Cổ đông tổ chức	1	10.000	0,07%
3	Cổ đông cá nhân	376	11.726.920	81,44%
II	Cổ đông nước ngoài	23	2.663.080	18,49%
1	Tổ chức	4	383.100	2,66%
2	Cá nhân	19	2.279.980	15,83%
	Tổng cộng	400	14.400.000	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN:

Căn cứ danh sách cổ đông 20/03/2024

STT	Tổ chức/cá nhân	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Shih Kuan Tung	IA2860	2.103.500	14,61%
2	Lê Đình Hiến	034064023979	1.072.000	7,44%
3	Nguyễn Thị Mai Lan	027147006093	973.400	6,76%
4	Trần Việt Thắng	027073000522	934.900	6,49%
5	Nguyễn Ngọc Duy	079094028213	760.800	5,28%
	Tổng cộng		5.851.400	40,63%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI:

Căn cứ theo Công văn số 2811UBCK-PTTT ngày 16/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của Công ty là 50%.

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/ giảm (đồng)	Hình thức tăng/ giảm vốn
Năm 2000		2.779.900.000	Cổ phần hoá.
Năm 2002	+1.211.300.000	3.991.200.000	1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu. 2. Phát hành cho cổ đông chiến lược.
Năm 2007	+6.008.800.000	10.000.000.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1/1,5055
Năm 2008	+10.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và đấu giá ra công chúng.
Năm 2015	+16.000.000.000	36.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng (Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu; Phát hành cho người lao động; Phát hành cho đối tác chiến lược; Đấu giá công khai).
Năm 2020	+36.000.000.000	72.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
Năm 2022	+72.000.000.000	144.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tăng trưởng kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội luôn là ba yếu tố nền tảng, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của LHC. Bên cạnh mục tiêu phát triển doanh nghiệp lớn mạnh, Công ty luôn đề cao thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường, nhằm đảm bảo quá trình tăng trưởng diễn ra bền vững, ưu tiên lợi ích trong dài hạn cho doanh nghiệp, hướng tới thực hiện quản trị doanh nghiệp theo bộ tiêu chuẩn ESG.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển bền vững của Công ty, Ban điều hành luôn nỗ lực bám sát theo định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, ĐHQĐĐ, từ đó tạo nền tảng vững chắc để xây dựng giá trị cốt lõi. Cụ thể, LHC đã triển khai sâu rộng các hoạt động liên quan đến bảo đảm an sinh cho người lao động đang làm việc, bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công, tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm đem lại những giá trị tích cực cho xã hội.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, việc thi công các dự án của Công ty không thể tránh khỏi các tác động tiêu cực đến môi trường như ô nhiễm không khí, nguồn nước cũng như ô nhiễm tiếng ồn đến người dân ở khu vực xung quanh.

Nhằm hạn chế các ảnh hưởng có thể gây ra trong quá trình hoạt động kinh doanh, LHC luôn đề xuất các sáng kiến nhằm bảo vệ môi trường xung quanh. Đồng thời, Công ty đã đề xuất các biện pháp chống bụi, chống ồn bằng bao che; thu dọn hiện trường, xử lý phế thải và đưa đến đúng nơi quy định. Từ đó, LHC góp phần giảm thiểu tối đa các tác động có thể gây ra cho môi trường và xã hội theo quy định của các Cơ quan ban ngành tại địa phương.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào luôn là công tác quan trọng cho không chỉ LHC mà còn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng và đầu tư nói chung. Việc thực hiện tối ưu chi phí nguyên vật liệu không chỉ có lợi cho biên lợi nhuận của Công ty mà còn giúp tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn tài nguyên cho xã hội và giảm thiểu tác động lên môi trường. Bên cạnh đó, việc sở hữu Công ty con khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng cũng là yếu tố góp phần làm giảm thất thoát trong quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào cho các dự án thực hiện của Công ty.

Trong các hợp đồng dự án được ký kết, LHC luôn đảm bảo các công trình được thi công có chất lượng cao, đề xuất thay thế các nguồn nguyên liệu truyền thống bằng các vật liệu xanh mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm là giải pháp thiết thực nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp, từ đó bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiêu thụ các loại năng lượng chủ yếu bao gồm điện, xăng, dầu,... để phục vụ công việc tại văn phòng và tại công trình xây dựng.

Để việc sử dụng nguồn năng lượng được tối ưu, Công ty đã có nhiều chính sách nhằm đảm bảo định hướng phát triển bền vững cũng như tiết kiệm năng lượng cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, Công ty đã áp dụng các tiêu chuẩn, chỉ tiêu về việc tiêu thụ năng lượng điện, nước, xăng, dầu,... sao cho phù hợp với từng mục đích sử dụng; khuyến khích, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của người lao động. Bên cạnh đó, thường xuyên tiến hành kiểm tra các mạng lưới điện, tiến hành bảo trì, sửa chữa máy móc có dấu hiệu hỏng hóc tại văn phòng và nơi làm việc để duy trì hiệu suất tốt nhất, thay thế các thiết bị đã xuống cấp, tổn hao nhiều năng lượng mà không cho ra được hiệu quả cao.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên quan trọng trong đời sống sinh hoạt cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì thế tiết kiệm nước không chỉ giúp giảm chi phí vận hành của Công ty mà còn góp phần vào mục tiêu chung trong việc ngăn ngừa cạn kiệt tài nguyên nước.

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm trong việc tối ưu nguồn tiêu thụ nước, vì thế bên cạnh đảm bảo chất lượng thi công, LHC còn đưa ra các biện pháp xử lý nước thải hợp lý, lên kế hoạch kiểm tra, thay thế đường ống nước có dấu hiệu hỏng hóc, áp dụng hệ thống thiết bị vòi nước tự ngắt,... nhằm giảm thiểu sự thất thoát nguồn nước trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ chính sách đối với người lao động là một nội dung quan trọng gắn liền với quyền lợi thiết thực của nhân viên. Nội dung này luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan, đơn vị và người lao động thuộc các ngành nghề khác nhau.

Với mức lương trung bình đối với người lao động của LHC là 10,4 triệu đồng/tháng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành công của doanh nghiệp. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đã triển khai nhiều chính sách nhân sự thiết thực, nhằm thu hút, giữ chân và phát huy tối đa năng lực của người lao động.

Ngoài ra, Công ty luôn có chính sách khen thưởng và phúc lợi hấp dẫn cho người lao động, nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc cũng như chú trọng đến việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty đều tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và trình độ chuyên môn cho người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, LHC rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Xu hướng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng khiến các doanh nghiệp phải điều chỉnh lại hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để phù hợp với các chuẩn mực của xã hội. Bên cạnh đó, nhằm tránh những tác động và hậu quả xấu có thể ảnh hưởng đến cộng đồng trong tương lai, Nhà nước đã và đang siết chặt hơn các quy định trong Luật bảo vệ môi trường.

Trước tình hình này, LHC đề ra các chủ trương bám sát theo quy định của pháp luật, tiến hành đánh giá tác động lên môi trường đối với các dự án có quy mô lớn và đưa ra những biện pháp giảm thiểu, thực hiện cam kết xử lý nước thải, rác thải đúng quy trình. Chính sự chủ đạo khắt khe từ Ban lãnh đạo cũng như sự tự chủ của các cán bộ, công nhân viên mà trong các năm qua Công ty chưa bị nhắc nhở hay xử phạt cho các vấn đề liên quan đến việc vi phạm pháp luật về vấn đề ô nhiễm môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng, doanh nghiệp còn cần phải cam kết thực hiện đúng đạo đức kinh doanh và đóng góp vào phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, cộng đồng địa phương và xã hội nói chung.

Trong định hướng chiến lược phát triển, LHC cũng xem đây là việc làm để doanh nghiệp thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề xã hội và môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh gắn liền với mục tiêu trong dài hạn, xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp tốt, chuyên nghiệp cho khách hàng và người dân.



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2022	KH 2023	TH 2023	% TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
1	Doanh thu thuần	1.416.509	1.200.000	1.119.271	93,27%	79,02%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	141.183	-	155.869	-	110,40%
3	Lợi nhuận trước thuế	147.993	144.000	161.293	112,01%	108,99%
4	Lợi nhuận sau thuế	116.800	-	126.275	-	108,11%

DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT

1.119.271

Triệu đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

161.293

Triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

126.275

Triệu đồng

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

Năm 2023, mặc dù bối cảnh chung của nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng đã nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị đã ghi nhận những kết quả kinh doanh đáng trân trọng.

Theo đó, năm 2023, LHC ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 1.119.271 triệu đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 161.293 triệu đồng, lần lượt đạt 93,27% và 112,01% so với kế hoạch đề ra. Trong năm, những tiến bộ Công ty đã đạt được bao gồm:

- Ban lãnh đạo Công ty đã luôn theo sát các biến động của thị trường thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và tối đa hóa hiệu quả đầu tư. Với sự hỗ trợ của Cổ đông, Khách hàng và nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBNV Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHQĐ giao phó.
- Công tác đầu tư xây dựng bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, đáp ứng yêu cầu khắt khe của chủ đầu tư. Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh đều duy trì và phát triển bền vững. Hoạt động an sinh xã hội, hướng đến cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo quan tâm và tổ chức được nhiều chương trình có ý nghĩa. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và đời sống của người lao động duy trì ổn định và có xu hướng tăng dần theo tốc độ phát triển của Công ty.

THUẬN LỢI:

- Công tác quản lý nguyên vật liệu đầu vào được thực hiện tốt, từ đó ổn định giá vốn hàng bán khi nhu cầu thị trường suy giảm so với cùng kỳ năm trước khi nhu cầu thị trường suy giảm, khiến cho biên lợi nhuận của doanh nghiệp tăng trưởng dương.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng trưởng so với năm trước, khi việc Tập đoàn tắt toán các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trong năm làm tăng lãi tiền gửi. Từ đó, tác động tích cực cho chiều tăng của lợi nhuận Công ty trong năm.
- Sở hữu đội ngũ cán bộ công nhân viên với trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng trong lĩnh vực hoạt động, giúp Công ty vượt qua những khó khăn đặt ra trong năm.
- Tính thanh khoản và tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định so với các công ty trong cùng ngành.

KHÓ KHĂN

- Lĩnh vực thi công xây dựng công trình đang gặp rất nhiều khó khăn do giá cả vật liệu xây dựng tăng cao. Bên cạnh đó, mảng kinh doanh vật liệu xây dựng tại Công ty con LBM bị ảnh hưởng bởi tình hình thời tiết tiêu cực tại Lâm Đồng cùng với nhu cầu mở rộng sản xuất công nghiệp ở mức thấp đã khiến doanh số bán hàng giảm sút.
- Năm 2023, tuy ngành xây dựng được hỗ trợ bởi hoạt động đầu tư công vào các công trình hạ tầng kỹ thuật với lượng vốn đầu tư lớn. Tuy nhiên, chỉ có một số ít doanh nghiệp đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của nhà thầu nên việc phân bổ vốn vẫn chưa đồng đều. Đồng thời, đơn giá định mức của Nhà nước chưa có sự cập nhật kịp thời theo thị trường, dẫn đến doanh nghiệp xây dựng tham gia có nguy cơ bị thua lỗ, đặc biệt trong bối cảnh đơn giá vật liệu xây dựng còn nhiều biến động.
- Mặt bằng lãi suất tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức tương đối cao, việc phát sinh khoản vay dài hạn có khả năng khiến doanh nghiệp gặp một số rủi ro liên quan đến lãi suất. Ngoài ra, với đặc thù sử dụng phần lớn lao động thời vụ cho các công trình xây dựng, việc thiếu thốn nguồn nhân lực cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã gây ra những khó khăn nhất định cho Công ty.

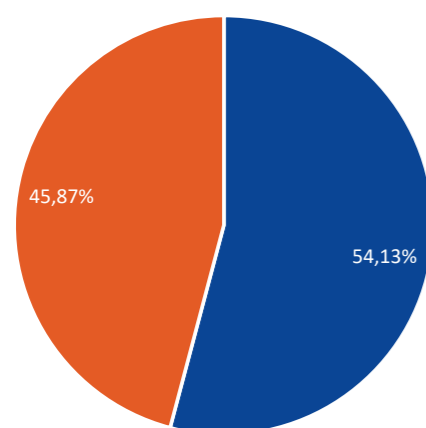
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

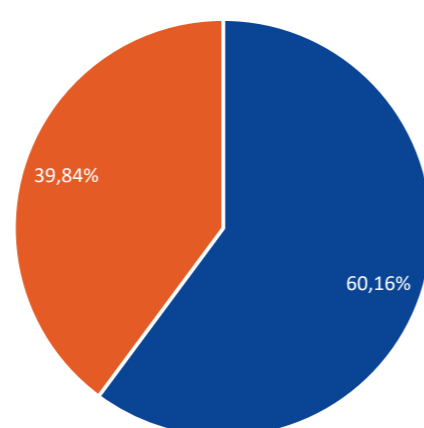
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu - Hợp nhất	31/12/2022		31/12/2023		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	558.019	54,13%	660.826	60,16%	+18,42%
Tài sản dài hạn	472.871	45,87%	437.685	39,84%	-7,44%
Tổng tài sản	1.030.890	100%	1.098.510	100,00%	+6,56%

31/12/2022



31/12/2023



■ Tài sản dài hạn
 ■ Tài sản ngắn hạn

Cơ cấu tài sản của LHC được hình thành chủ yếu từ tài sản ngắn hạn, khi khoản mục này chiếm tỷ trọng 60,16% trong năm 2023; bên cạnh đó, tài sản dài hạn chiếm 39,84% trong tổng tài sản của Công ty. Tính tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản LHC đạt 1.098.510 triệu đồng, tăng 6,56% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng trưởng (tăng 18,42%, tương đương 102.807 triệu đồng so với tại cuối năm 2022) khi các khoản mục Trả trước cho người bán ngắn hạn cùng với Phải thu nội bộ liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất đã tác động lên Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty. Đồng thời, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ dương cũng là yếu tố tác động tích cực lên tài sản ngắn hạn của LHC.

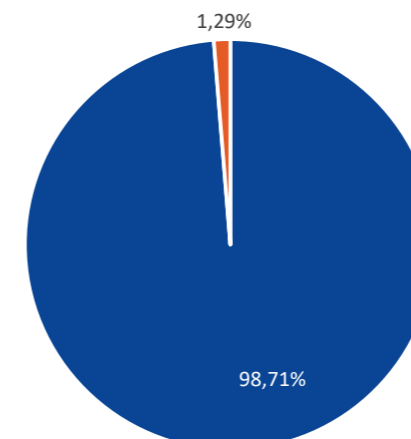
Ngoài ra, tài sản dài hạn của Công ty không có quá nhiều thay đổi, khi ghi nhận giảm 35.187 triệu đồng, tương đương -7,44% so với tại 31/12/2022. Sự sụt giảm trong khoản mục chủ yếu do khấu hao tài sản cố định tăng dần qua từng năm. Bên cạnh đó, việc Công ty thực hiện xây dựng các công trình trong năm như Hệ nghiên Cam Ly đã làm gia tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, từ đó ảnh hưởng lên tài sản dài hạn của LHC.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

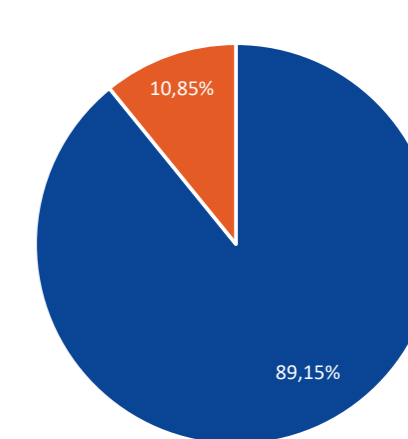
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu - Hợp nhất	31/12/2022		31/12/2023		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	412.838	98,71%	364.538	89,15%	-11,70%
Nợ dài hạn	5.409	1,29%	44.389	10,85%	+720,71%
Tổng nợ phải trả	418.247	100%	408.927	100,00%	-2,23%

31/12/2022



31/12/2023



■ Nợ dài hạn
 ■ Nợ ngắn hạn

Nhìn chung, Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu nợ phải trả của LHC khi đạt 89,08% (tương đương 362.013 triệu đồng) tại 31/12/2023. Với việc thực hiện chi trả các khoản nợ cho nhà cung cấp và các khoản nộp cho Nhà nước, chỉ tiêu Nợ phải trả trong ngắn hạn đã giảm 12,31% so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn cùng với Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm lần lượt 20.474 triệu đồng và 35.806 triệu đồng (tương đương với -25,56% và -83,34% so với tại 31/12/2022)

Trong kỳ, LHC phát sinh khoản vay dài hạn 60.000 triệu đồng đến từ ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đầu tư máy móc thiết bị và phương tiện vận tải nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty đã tiến hành thanh toán dần trong năm và tính tại 31/12/2023, Nợ dài hạn của LHC đạt 44.389 triệu đồng. Kết thúc năm 2023, Nợ phải trả LHC ghi nhận đạt 408.927 triệu đồng, giảm 2,23% so với tại thời điểm cuối năm 2022.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Công tác quản trị hiệu quả luôn được Công ty đề cao và chú trọng thực hiện. Trong năm 2023, nhằm nâng cao hệ thống tổ chức của LHC, Công ty đã bổ nhiệm Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị nhằm thực hiện chức năng tham mưu, giám sát và quản lý về công tác tài chính, kế toán và kiểm toán trong toàn hệ thống Công ty. Thông qua đó, việc bổ nhiệm đã góp phần giúp LHC tăng cường hiệu quả quản lý nguồn vốn, tài sản, kế toán tài chính, kiểm toán và đầu tư trong toàn hệ thống của Công ty, bao gồm Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng và các Công ty con trong cùng hệ thống.

Bên cạnh đó, hệ thống phân cấp và nhiệm vụ của từng bộ phận cũng được phân bổ chức năng rõ ràng, chất lượng phòng nhân sự được nâng cao. Công ty cũng quan tâm sắp xếp và bố trí công việc cho nhân viên phù hợp với năng lực của từng cá nhân, thực hiện tốt công tác quản trị nguồn nhân lực; thường xuyên phổ biến về văn hóa, nền tảng, các giá trị đạo đức, được giới thiệu với các nhân viên, phòng ban khác trong Công ty cũng như nhiệm vụ cơ bản của mỗi vị trí.

Công ty cũng nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực bằng việc đưa ra các chương trình đào tạo kết hợp nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, giúp nhân viên phát triển một cách toàn diện. Đồng thời, LHC triển khai sử dụng công nghệ thông tin và ứng dụng vào việc quản lý cũng như đào tạo nhân viên để tăng hiệu suất cũng như kết quả đầu ra của quá trình.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

Về chính sách phát triển nhân sự, Công ty luôn chăm lo và đảm bảo các mức lương, thưởng thực hiện đúng với Luật lao động, giúp người lao động an tâm về mặt vật chất lẫn tinh thần khi làm việc tại Công ty. Ngoài ra, trong công tác chăm lo đời sống của người lao động, LHC đã quan tâm làm tốt trong thời gian qua với các hoạt động cụ thể:

- Hiện khoảng 900 lao động của Công ty đã được đóng 100% bảo hiểm xã hội; Công ty mua bảo hiểm thân thể 24/24 với 3 suất/người/năm.
- Toàn bộ người lao động được đi nghỉ dưỡng hàng năm.
- Thay đổi và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động ngày càng tốt hơn nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Quá trình cải tiến kỹ thuật ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp là xu hướng tất yếu trong kinh doanh hiện nay. Không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần đẩy nhanh quá trình ứng dụng các tiến bộ KHKT vào quá trình sản xuất kinh doanh, mà việc nâng cao công tác quản lý còn góp phần cải thiện năng suất, chất lượng lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Theo đó, trong quá trình hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho người lao động được phát huy sức sáng tạo và nói lên sáng kiến đóng góp về cải tiến kỹ thuật; thực hiện tuyên truyền để người lao động nhận thức tầm quan trọng của công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong việc nâng cao chất lượng công việc. Đồng thời, Công ty còn có chế độ khen thưởng, tuyên dương thích đáng dành cho người lao động tham gia đóng góp sáng kiến có tính ứng dụng, thực tiễn cao.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Công ty mẹ	Hợp nhất
Doanh thu thuần	200.000	1.100.000
Lợi nhuận trước thuế	28.800	103.500
Cổ tức	15÷25%	-
Đầu tư Tài sản cố định	4÷10	-
Khấu hao Tài sản cố định	4÷10	-
Đầu tư vào Công ty con	Tối đa 150.000	-

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Lĩnh vực thi công xây dựng công trình tại Công ty mẹ LHC và Công ty con L40: Mở rộng phạm vi hoạt động và phát triển kinh doanh ở mảng thi công xây lắp; tập trung hoàn thành các công trình với đơn giá thấp, cố định để bàn giao; Trong thời gian tới phải lựa chọn thật kỹ để đấu thầu các công trình với giá tốt nhất, sắp xếp lại biên chế, đổi mới máy móc thiết bị để tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, tạo ra giá thành công trình tốt nhất.
- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng tại Công ty con LBM: Tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, nghiên cứu đầu tư vào ngành nghề mới khi thời cơ thích hợp và có lợi thế cạnh tranh.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng. Công ty kiểm toán đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất và riêng của Công ty trong năm 2023 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và Ban Tổng Giám đốc không có giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, quản lý nguồn nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất và tối ưu kết quả kinh doanh. Sở hữu nguồn cung ứng nguyên liệu là những nhà cung cấp uy tín trên thị trường và có Công ty con khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng là lợi thế lớn giúp LHC ổn định yếu tố đầu vào cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng ứng dụng khoa học kỹ thuật trong việc quản lý tiêu thụ nguyên vật liệu, giúp tối ưu chi phí và tiết kiệm nguyên liệu nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đầu ra của công trình.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng mà Công ty sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động là điện năng, được dùng trong quá trình vận hành các kho lưu trữ, quản lý và vận chuyển hàng hóa. Việc tiết kiệm nguồn năng lượng không chỉ giúp tiết giảm chi phí vận hành cho doanh nghiệp mà còn làm giảm tác động tiêu cực ra môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá. Hiện nay, LHC đang áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng trong việc vận hành hệ thống quản lý kho thông minh, sử dụng các thiết bị, công cụ hiện đại nhằm giảm thất thoát năng lượng trong quá trình sử dụng. Ngoài ra, Công ty cũng tìm kiếm các giải pháp sử dụng và tái chế tài nguyên để giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn tài nguyên nước sạch trong quá trình hoạt động sản xuất, LHC luôn tuân thủ nghiêm túc theo các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành năm 2020. Trong công tác thi công, xây dựng công trình, LHC chú ý tránh ảnh hưởng đến hệ thống đường ống nước trong khu vực, công tác giải phóng hạ tầng luôn được thực hiện cẩn thận và chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, trong các khâu sử dụng nước để phục vụ cho mục đích xây dựng, LHC tiết kiệm và điều chỉnh lượng nước phù hợp, tránh gây lãng phí; trong việc sử dụng nhiên liệu để vận hành thiết bị, máy móc cũng tránh các tác động có thể xảy ra đối với môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những yêu cầu quan trọng và ưu tiên hàng đầu đối với các doanh nghiệp hiện nay. Việc tham gia trực tiếp và tích cực của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường không chỉ có lợi cho sự bền vững lâu dài mà còn là nhu cầu cấp thiết trong việc kinh doanh; mang lại nhiều lợi ích cho chính doanh nghiệp.

Theo đó, Công ty luôn tiến hành kiểm tra tác động từ hoạt động thi công của doanh nghiệp lên môi trường, thực hiện đúng tần suất quan trắc theo quy định. Đồng thời, LHC luôn đưa ra các biện pháp, quy định dành cho cả nhân viên và những khu vực hoạt động của Công ty về việc giữ gìn vệ sinh môi trường; nâng cao hệ thống xử lý chất thải của doanh nghiệp, thay thế sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây ô nhiễm đến thiên nhiên.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng nhân viên hiện tại của Công ty: 56 lao động dài hạn.
- Mức lương trung bình: 10.400.000 đồng/tháng/người.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác đào tạo nhân sự là vấn đề luôn được Ban lãnh đạo LHC quan tâm và dành thời gian cải thiện, với mục tiêu là tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao năng lực và trình độ của bản thân, từ đó cải thiện chất lượng cuộc sống một cách bền vững. Trong hoạt động đào tạo người lao động tại doanh nghiệp, LHC luôn cố gắng tích hợp, cập nhật những kiến thức và kỹ năng mới nhất, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động hiện nay.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ phúc lợi của người lao động là những chính sách doanh nghiệp thực hiện để đảm bảo quyền lợi và cuộc sống của nhân viên, phúc lợi không chỉ bao gồm lợi ích vật chất mà còn phải có yếu tố tinh thần. Qua đó, LHC chú trọng xây dựng chế độ tiền lương hấp dẫn, chính sách chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên để giúp người lao động có được trải nghiệm làm việc tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty còn đặt ra các chế độ thưởng tương xứng với năng lực và thành tích đạt được nhằm tạo động lực tích cực cho nhân viên để phát huy hết năng lực.

Ngoài ra, Công ty còn lập các chính sách an sinh xã hội dành cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm y tế... cùng với đó là xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, tôn trọng hướng tới người lao động. Cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho người lao động; tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; cử nhân sự tham gia huấn luyện phòng cháy chữa cháy; Công ty cũng tiến hành diễn tập phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra; trang bị bảo hiểm và kiểm định xe, máy móc thiết bị đầy đủ theo quy định.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các mục tiêu tăng trưởng về kinh doanh, Công ty còn chú trọng công tác phát triển bền vững và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, cộng đồng. Trong công tác giải phóng mặt bằng cũng như thi công các công trình xây dựng, Công ty luôn chú trọng đến môi trường xung quanh và giữ gìn không khí trong sạch cho địa bàn hoạt động. Ngoài ra, Công ty còn tham gia các công tác xã hội tại địa phương như công tác từ thiện, xây nhà tình nghĩa; trao tặng quà vào các ngày lễ cho các cựu chiến binh, người già, người tàn tật và trẻ em cùng với sự ủng hộ khi địa bàn khu vực hoạt động gặp khó khăn như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh,...



04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Đơn vị tính	KH 2023	TH 2023	% TH 2023/ KH 2023
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.200.000	1.119.271	93,27%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	144.000	161.293	112,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	126.275	-

Kết thúc năm 2023, Công ty ghi nhận:

- Doanh thu thuần đạt 1.119.271 triệu đồng, đạt 93,27% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 161.293 triệu đồng, đạt 112,01% so với kế hoạch.

Các chi phí trong kỳ bao gồm:

- Chi phí tài chính tăng mạnh nhất, từ 1.450 triệu đồng trong năm 2022 lên 4.671 triệu đồng trong năm 2023, tương ứng mức tăng 222,24% do nhu cầu sử dụng vốn lưu động tăng nên Công ty phát sinh thêm các khoản vay mới.
- Chi phí bán hàng đạt 3.162 triệu đồng trong năm 2023, không có quá nhiều thay đổi so với năm ngoài (giảm nhẹ 180 triệu đồng, tương đương -5,39%).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Trong năm, chi phí này giảm từ 131.482 triệu đồng xuống còn 119.002 triệu đồng, tương ứng mức giảm 9,49%.

Năm 2023, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang gặp rất nhiều khó khăn, đồng tiền mất giá, giá cả đầu vào cho sản xuất tăng cao, kinh tế thế giới có dấu hiệu suy thoái. Trước những khó khăn đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành đã có rất nhiều nỗ lực quản trị, điều hành để mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và cổ đông.

VỀ VIỆC THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ: Không có

VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023:

Hội đồng quản trị quyết định thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.

VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG

- Ngày 01/01/2023: 57 lao động dài hạn.
- Ngày 31/12/2023: 56 lao động dài hạn.
- Lương bình quân của người lao động năm 2020: 9.000.000 đồng/người/tháng.
- Lương bình quân của người lao động năm 2021: 9.200.000 đồng/người/tháng.
- Lương bình quân của người lao động năm 2022: 11.000.000 đồng/người/tháng.
- Lương bình quân của người lao động năm 2023: 10.400.000 đồng/người/tháng.

VỀ VIỆC CHI TRẢ CỔ TỨC

Ngày 21/04/2023 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 15-25%, tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Hoàn tất việc điều chỉnh ngành nghề và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 50%.

ĐẦU TƯ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Xem thông tin phần II - Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng Ban, các Công trường trực thuộc Công ty, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và của Công ty.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có mời Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát tham dự để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để các Thành viên được mời có ý kiến và nhận sự chỉ đạo kịp thời.
- Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc duy trì tốt lịch họp định kỳ để tổng kết, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực nắm bắt thông tin, kịp thời đề xuất các phương án kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường và đảm bảo đầu ra cho doanh nghiệp. Nhờ vào năng lực chuyên môn và thực hiện tốt kế hoạch ứng phó kịp thời theo chiến lược của HĐQT và sự cố gắng của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Với những kết quả đạt được về doanh thu, lợi nhuận, quản lý tài chính cũng như các khía cạnh hoạt động của Công ty, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 khi tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo và phối hợp với Ban Tổng Giám đốc thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thông qua trong Đại hội.
- Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp cơ cấu tổ chức đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật, tinh gọn các đầu mối quản lý nhằm tập trung trong quản lý, linh hoạt trong điều hành tổ chức sản xuất, tối ưu sử dụng chi phí và khai thác nguồn nhân lực, tăng hiệu quả và năng suất lao động.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ, cập nhật kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và có những chỉ đạo sâu sát với thực tế vận hành tại doanh nghiệp.
- Hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao hiệu suất đầu tư, tinh gọn bộ máy, quản lý chi phí hiệu quả và tiếp tục tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị phần hoạt động sang các khu vực lân cận và tăng cường quảng bá thương hiệu.
- Cải tiến quy trình hoạt động của Công ty, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quá trình thi công xây dựng dự án, từ đó nâng cao xác suất trúng thầu dự án và đảm bảo hiệu quả ở mảng kinh doanh chính của Công ty.
- Tiếp tục chú trọng các lĩnh vực có nguồn doanh thu tốt, đầu tư và quản lý ở mảng kinh doanh vật liệu xây dựng tại các công ty con.
- Tiếp tục phát huy công tác nắm bắt thông tin thị trường nhanh chóng, điều chỉnh chi phí quản lý và giá vốn hàng bán kịp thời để đảm bảo biên lợi nhuận tăng trưởng đều đặn qua từng giai đoạn.

VỀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2024:

Xem thông tin phần III - Kế hoạch phát triển trong tương lai

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 31/12/2023)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.072.000	7,44%	-
2	Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	934.900	6,49%	-
3	Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0,00%	Từ nhiệm ngày 01/10/2023
4	Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	2.000	0,01%	-
5	Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2024.

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÊ ĐÌNH HIẾN - CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh : 1964
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Thời gian	Quá trình công tác
10/1986 – 09/1987 :	Nhân viên kỹ thuật Trung tâm ĐH2 Đại học Thủy lợi Hà Nội
10/1987 – 04/1996 :	Phó Giám đốc Xí nghiệp SX vật liệu xây dựng cơ bản - Công ty công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng
05/1996 – 03/1998 :	Quyền Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
04/1998 - 07/2000 :	Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
08/2000 - 06/2020 :	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2006 - 03/2011 :	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
04/2011 - nay :	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
12/2015 - 06/2020 :	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40
07/2020 - nay :	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
07/2020 - nay :	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40
12/2023 - nay :	Thành viên HĐQT Công ty CP Phước Hòa

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40 và Thành viên HĐQT Công ty CP Phước Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 1.072.000 cổ phiếu, chiếm 7,44% vốn điều lệ.

Ông TRẦN VIỆT THẮNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh : 1973
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
2007 - 2012 :	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ladofoods (VDL)
2012 - 2018 :	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 Phytopharma
2015 - 2019 :	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty GTN FOODS
2015 - 2019 :	Trưởng Ban Kiểm soát VinaTea
2015 - 2020 :	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Nam
02/2021 - nay :	Chủ tịch HĐQT Công ty Phân bón Vinacafe
25/04/2022 – 20/04/2022 :	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
21/04/2022 – nay :	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Phân bón Vinacafe.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Sở hữu cá nhân: 934.900 cổ phiếu, chiếm 6,49% vốn điều lệ.

Ông LÝ CHỦ HƯNG - THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh : 1981
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Thời gian	Quá trình công tác
2008 - 2009 :	Làm bộ phận khối tư vấn đầu tư khách nước ngoài tại Công ty Chứng khoán SBS
2010 - 2017 :	Giám đốc Công ty TNHH TMDV Đá Quốc tế Tín Hưng
2018 - nay :	Giám đốc Công ty TNHH SXTM Đá Bazal Đắk Mil
25/04/2021 – nay :	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH SXTM Đá Bazal Đắk Mil
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN HÙNG PHƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT (ĐÃ TỪ NHIỆM)

- Năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Thời gian	Quá trình công tác
2003 - 2007 :	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Thái Sơn
2007 - 2013 :	Trưởng phòng Kinh doanh VPĐD Tập đoàn Dealim (Hàn Quốc)
2013 - nay :	Giám đốc Công ty Nhựa và Hoá chất Polychem
2016 - nay :	Thành viên góp vốn Công ty TNHH Đồng Hành Xanh
04/2016 - 04/2021 :	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
25/04/2021 - 01/10/2023 :	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

Ông PHAN CÔNG NGÔN - THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Đà Lạt
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Thời gian	Quá trình công tác
1991 - 1994 :	Quản lý Kỹ thuật thuộc Viện Quy hoạch tổng hợp Lâm Đồng
1994 - 2018 :	Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng
25/04/2021 – nay :	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Ông Trần Hùng Phương nộp đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT vào ngày 01/10/2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT hoạt động theo đúng Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt và tình hình thực tế để chỉ đạo nghiêm túc các mặt hoạt động của Công ty.
- Năm 2023, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu, và tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 của Công ty, đảm bảo các quyền và lợi ích của Cổ đông Công ty phù hợp với tình hình thực tế của vị cũng như định hướng trong dài hạn, đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.
- Chỉ đạo rà soát tất cả Hệ thống văn bản quản lý, cập nhật, nhận diện các thay đổi, phát sinh mới tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, yêu cầu cần tuân thủ, chỉnh sửa phù hợp, tuân thủ Quy định hiện hành
- HĐQT đã chỉ đạo triển khai hoàn thành tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty, đảm bảo duy trì sự ổn định của bộ máy, tăng cường hiệu quả trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo các mặt hoạt động trong năm 2023.
- Căn cứ Kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư các dự án, chỉ đạo quyết liệt công tác giám sát, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.
- Các thành viên HĐQT hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa vì lợi ích của Công ty và người lao động.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

- Theo Kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT Công ty đã thực hiện trong năm 2023 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế về quản trị Công ty nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và các thông lệ chuẩn mực quản trị Công ty, Quy định hiện hành.
- Thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng Ban, các Đội xây lắp, Công trường trực thuộc Công ty, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, theo đúng các nguyên tắc, quy định tại Quy chế Quản trị nội bộ. Nội dung các cuộc họp được các Thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Tất cả Thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, có tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò của mình.
- Chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 năm 2023.
- HĐQT đã chỉ đạo, định hướng giải pháp hiệu quả, kịp thời để hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các việc khó, hoàn thành mục tiêu SXKD chung của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật, Quy định hiện hành.
- HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và lợi nhuận của năm 2023, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho Người lao động.
- HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng Chiến lược phát triển của Công ty và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Lê Đình Hiển	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	-
2	Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	-
3	Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT	4/5	80%	Từ nhiệm 01/10/2023
4	Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	6/6	100%	-
5	Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	4/6	66,67%	Do có việc riêng của gia đình tại nước ngoài

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	Số: 01/2023/NQ-HĐQT/LHC	02/03/2023	<p>Điều 1: Thống nhất kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:</p> <p>1.1- Công ty mẹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần: 167,12 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 14,55 tỷ đồng - Cổ tức: Đã tạm ứng đợt 1: 5% - Đầu tư TSCĐ: 3,43 tỷ đồng - Khấu hao TSCĐ: 5,03 tỷ đồng <p>1.2. Hợp nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần: 1.417,03 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế: 152,39 tỷ đồng <p>Điều 2: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư để trình ĐHĐCĐ năm 2022 như sau:</p> <p>2.1- Công ty mẹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần: 180 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế: 28,3 tỷ đồng - Cổ tức chia cho cổ đông: 15%÷25% - Đầu tư TSCĐ: 7÷10 tỷ đồng - Khấu hao TSCĐ: 7÷10 tỷ đồng

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	Số: 01/2023/NQ-HĐQT/LHC	02/03/2023	<p>2.2. Hợp nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần: 1.200 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 144 tỷ đồng <p>Điều 3: Thống nhất phê duyệt quỹ lương văn phòng, mức lương Ban điều hành và Kế toán trưởng Công ty như sau:</p> <p>3.1 Quỹ lương văn phòng Công ty: Quỹ lương văn phòng Công ty được trích 3% trên doanh thu thuần. Quỹ lương được chi cho văn phòng Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giám đốc điều hành theo mức lương được HĐQT thông qua ngày 20/01/2022; - Ban điều hành và Kế toán trưởng; Cán bộ CNV văn phòng Công ty do TGD xem xét chi trả. <p>3.2 Mức lương Ban điều hành và Kế toán trưởng: Giao TGD xem xét và trả lương hàng tháng không vượt quá 50.000.000 đồng/người/tháng. Nếu lợi nhuận tăng thì lương được chi tăng với tỷ lệ 1,5 lần tỷ lệ tăng lợi nhuận. Nếu lợi nhuận giảm thì giảm theo tỷ lệ tương ứng.</p> <p>Điều 4: Thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 việc điều chỉnh Điều lệ bổ sung chức danh Giám đốc tài chính Công ty. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh Điều lệ, Hội đồng quản trị sẽ ban hành quy chế hoạt động của Giám đốc tài chính và bổ nhiệm nhân sự phù hợp. Về nhân sự Bộ phận kiểm toán nội bộ, Hội đồng quản trị sẽ thảo luận và bổ nhiệm trong phiên họp tới.</p> <p>Điều 5: Hội đồng quản trị thống nhất việc nhận chuyển nhượng lại lô đất tại huyện Cát Tiên của Ông Lê Văn Quý và bà Nguyễn Thị Hương. Chi tiết lô đất như sau:</p> <p>Thửa đất số: 102, tờ bản đồ số 37.</p> <p>Địa chỉ: Xã Tiên Hoàng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Diện tích: 3.475 m². Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng. Lao5i đất: Trồng cây lâu năm.</p> <p>GCNQSDĐ số CS130080 do Sở TNMT Lâm Đồng cấp ngày 25/6/2019.</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền thành viên HĐQT độc lập Phan Công Ngôn thay mặt Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất này với giá trị chuyển nhượng là 3 tỷ đồng.</p> <p>Mục đích: Xây dựng trạm trộn bê tông phục vụ dự án.</p> <p>Điều 6: Thống nhất kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và tạm ứng cổ tức đợt 2 (5%) năm 2022 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự đại hội và tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022: 24/3/2023. - Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: 21/4/2023 - Ngày thanh toán tạm ứng cổ tức: 19/4/2023 <p>Điều 7: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
2	Số: 02/2023/NQ-HĐQT/LHC	30/03/2023	<p>Điều 1: Thống nhất 100% nội dung các tài liệu để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Toàn văn nội dung Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2022. 2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
2	Số: 02/2023/NQ-HĐQT/LHC	30/03/2023	<p>3. Tờ trình: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.</p> <p>4. Tờ trình: Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022.</p> <p>5. Tờ trình: Kế hoạch SXKD và mức cổ tức năm 2023;</p> <p>6. Tờ trình: Chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2023;</p> <p>7. Tờ trình: Ủy quyền TGD ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan;</p> <p>8. Tờ trình: Quyết toán thù lao, thưởng HĐQT và BKS 2022; Phương án chi thù lao 2023;</p> <p>9. Tờ trình: Sửa đổi Điều lệ: Để có chức danh Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị và điều hành công tác tài chính ở Công ty và các Công ty con.</p> <p>10. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ;</p> <p>11. Dự thảo chương trình Đại hội;</p> <p>12. Dự thảo Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội;</p> <p>13. Phiếu biểu quyết;</p> <p>14. Dự thảo Nghị quyết Đại hội;</p> <p>15. Thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội gồm:</p> <p>- Ông Trần Đại Hiền: Phó TGD – Trưởng ban</p> <p>Thành viên:</p> <p>- Ông Vũ Việt Dũng: Phòng TC-HC</p> <p>- Bà Nguyễn Thị Thủy: Phòng KH-KT</p> <p>- Bà: Lê Thị Thùy: Phòng TCHC</p> <p>Điều 2: Thống nhất đề cử:</p> <p>Ông: PHẠM HỒNG HẢI.</p> <p>- Sinh ngày: 13/7/1962</p> <p>- Số CCCD 068062000095 cấp ngày 21/02/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH.</p> <p>- Địa chỉ đăng ký thường trú: Số 12/1 Hồ Xuân Hương, P.9, TP Đà Lạt, Lâm Đồng.</p> <p>- Nơi ở hiện nay: Số 151 Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>- Trình độ học vấn: Đại học Tài chính – Kế toán. Chuyên ngành: Tài chính XDCB.</p> <p>Là ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng kể từ 01/5/2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty LBM.</p> <p>Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả kinh doanh quý 1/2023:</p> <p>1. Kết quả tại Công ty mẹ:</p> <p>1.1. Doanh thu thuần: 25,4 tỷ đồng</p> <p>1.2. Lợi nhuận trước thuế: (1,32) tỷ đồng</p>
3	Số: 03/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/04/2023	<p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>2.1. Doanh thu thuần: 282 tỷ đồng</p> <p>2.2. Lợi nhuận trước thuế: 51 tỷ đồng</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất.</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023:</p> <p>1. Kết quả tại công ty mẹ:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 180 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 80 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 44,44%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 28,3 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 25,6 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 90,46%</p> <p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 1.200 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 629 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 52,51%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 144 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 117,5 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 81,60%</p> <p>Điều 2: Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị công ty.</p> <p>Điều 3: Thống nhất kế hoạch chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 như sau:</p> <p>- Mức tạm ứng là: 15% bằng tiền mặt (1.500 đồng/CP).</p> <p>- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức: 22/8/2023.</p> <p>- Ngày thanh toán cổ tức: 8/9/2023.</p> <p>Điều 4: Thống nhất điều chỉnh nguồn kinh phí trích thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LHC ngày 25/4/2021 kèm tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của HĐQT như sau: Phần chi thưởng cho Chủ tịch HĐQT sẽ giao Chủ tịch HĐQT cân đối và nhận nguồn kinh phí từ đơn vị có kết quả kinh doanh ổn định nhất trong năm. Các nội dung khác không thay đổi.</p>

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
3	Số: 03/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/04/2023	<p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>2.1. Doanh thu thuần: 282 tỷ đồng</p> <p>2.2. Lợi nhuận trước thuế: 51 tỷ đồng</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất.</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023:</p> <p>1. Kết quả tại công ty mẹ:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 180 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 80 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 44,44%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 28,3 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 25,6 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 90,46%</p> <p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 1.200 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 629 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 52,51%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 144 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 117,5 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 81,60%</p> <p>Điều 2: Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị công ty.</p> <p>Điều 3: Thống nhất kế hoạch chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 như sau:</p> <p>- Mức tạm ứng là: 15% bằng tiền mặt (1.500 đồng/CP).</p> <p>- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức: 22/8/2023.</p> <p>- Ngày thanh toán cổ tức: 8/9/2023.</p> <p>Điều 4: Thống nhất điều chỉnh nguồn kinh phí trích thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LHC ngày 25/4/2021 kèm tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của HĐQT như sau: Phần chi thưởng cho Chủ tịch HĐQT sẽ giao Chủ tịch HĐQT cân đối và nhận nguồn kinh phí từ đơn vị có kết quả kinh doanh ổn định nhất trong năm. Các nội dung khác không thay đổi.</p>
4	Số: 04/2023/NQ-HĐQT/LHC	21/06/2023	<p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>2.1. Doanh thu thuần: 282 tỷ đồng</p> <p>2.2. Lợi nhuận trước thuế: 51 tỷ đồng</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất.</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023:</p> <p>1. Kết quả tại công ty mẹ:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 180 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 80 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 44,44%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 28,3 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 25,6 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 90,46%</p> <p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 1.200 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 629 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 52,51%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 144 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 117,5 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 81,60%</p> <p>Điều 2: Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị công ty.</p> <p>Điều 3: Thống nhất kế hoạch chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 như sau:</p> <p>- Mức tạm ứng là: 15% bằng tiền mặt (1.500 đồng/CP).</p> <p>- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức: 22/8/2023.</p> <p>- Ngày thanh toán cổ tức: 8/9/2023.</p> <p>Điều 4: Thống nhất điều chỉnh nguồn kinh phí trích thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LHC ngày 25/4/2021 kèm tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của HĐQT như sau: Phần chi thưởng cho Chủ tịch HĐQT sẽ giao Chủ tịch HĐQT cân đối và nhận nguồn kinh phí từ đơn vị có kết quả kinh doanh ổn định nhất trong năm. Các nội dung khác không thay đổi.</p>
5	Số: 05/2023/NQ-HĐQT/LHC	03/08/2023	<p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>2.1. Doanh thu thuần: 282 tỷ đồng</p> <p>2.2. Lợi nhuận trước thuế: 51 tỷ đồng</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất.</p> <p>Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1: Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023:</p> <p>1. Kết quả tại công ty mẹ:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 180 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 80 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 44,44%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 28,3 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 25,6 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 90,46%</p> <p>2. Kết quả hợp nhất:</p> <p>- Doanh thu thuần:</p> <p>+ Kế hoạch: 1.200 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 629 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 52,51%</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế:</p> <p>+ Kế hoạch: 144 tỷ đồng</p> <p>+ Thực hiện 6 tháng: 117,5 tỷ đồng</p> <p>+ Hoàn thành: 81,60%</p> <p>Điều 2: Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị công ty.</p> <p>Điều 3: Thống nhất kế hoạch chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 như sau:</p> <p>- Mức tạm ứng là: 15% bằng tiền mặt (1.500 đồng/CP).</p> <p>- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức: 22/8/2023.</p> <p>- Ngày thanh toán cổ tức: 8/9/2023.</p> <p>Điều 4: Thống nhất điều chỉnh nguồn kinh phí trích thưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-LHC ngày 25/4/2021 kèm tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của HĐQT như sau: Phần chi thưởng cho Chủ tịch HĐQT sẽ giao Chủ tịch HĐQT cân đối và nhận nguồn kinh phí từ đơn vị có kết quả kinh doanh ổn định nhất trong năm. Các nội dung khác không thay đổi.</p>

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
5	Số: 05/2023/NQ-HĐQT/LHC	03/08/2023	<p>Điều 5: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C.</p> <p>Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng/theo món. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng), bao gồm: + Hạn mức vay vốn lưu động: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). + Hạn mức cấp bảo lãnh: 200.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng). <p>- Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>- Thời hạn vay: Theo quy định của Ngân hàng.</p> <p>- Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và Ngân hàng.</p> <p>Điều 2. Thông qua biện pháp bảo đảm tiền vay.</p> <p>Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty và các tài sản khác huy động của bên thứ ba (nếu có) tại Ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng đối với khoản vay/bảo lãnh/L/C nêu trên.</p> <p>Cụ thể các tài sản gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng là toàn bộ phương tiện vận tải, phương tiện thi công cơ giới, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất. - 5.000.000 cổ phiếu LBM niêm yết trên sàn HOSE thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng. - Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn. <p>Điều 3. Người đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng.</p> <p>1. Giao Ông Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...</p>
6	Số: 06/2023/NQ-HĐQT/LHC	03/08/2023	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất</p> <p>1. Bổ nhiệm Ông Hầu Văn Tuấn giữ chức vụ Giám đốc tài chính.</p> <p>- Thời gian bổ nhiệm: Kể từ ngày 01/10/2023.</p> <p>Thông tin về ông Hầu Văn Tuấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày sinh: 05/5/1966. - Nơi sinh: Thừa Thiên Huế. - CCCD: 046066002055 cấp ngày 01/5/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. - Địa chỉ thường trú: 36/5 Triệu Việt Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh. - Thời hạn bổ nhiệm: Kể từ ngày 01/10/2023 theo nhiệm kỳ còn lại của hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc khi có quyết định khác thay thế. - Mức thù lao: 50.000.000 đồng/tháng. - Thời gian làm việc: Không toàn thời gian. - Nguồn chi: HĐQT đã ủy quyền Chủ tịch phân bổ từ các nguồn trong hệ thống. - Nhiệm vụ và quyền hạn của ông Hầu Văn Tuấn được thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính và các quy định khác có liên quan của Công ty. - Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công. - Quyền lợi: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính và pháp luật hiện hành. <p>2. Ông Hầu Văn Tuấn thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng kể từ ngày 01/10/2023.</p> <p>- Ông Hầu Văn Tuấn có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ công việc, tài liệu và hồ sơ liên quan đến vị trí đã đảm nhiệm cho người thay thế và các bộ phận, cá nhân liên quan tại Công ty.</p>

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
6	Số: 06/2023/NQ-HĐQT/LHC	03/08/2023	<p>2. Ông Lê Văn Quý được quyền ủy quyền lại cho người khác đại diện Công ty thực hiện các công việc nêu trên. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản riêng.</p> <p>3. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Lê Văn Quý hoặc người được Ông Lê Văn Quý ủy quyền đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng ký kết với Ngân hàng phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này.</p> <p>Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>Điều 5. Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>
7	Số: 07/2023/NQ-HĐQT/LHC	26/09/2023	<p>Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất</p> <p>1. Bổ nhiệm Ông Hầu Văn Tuấn giữ chức vụ Giám đốc tài chính.</p> <p>- Thời gian bổ nhiệm: Kể từ ngày 01/10/2023 theo nhiệm kỳ còn lại của hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc khi có quyết định khác thay thế.</p> <p>- Mức thù lao: 50.000.000 đồng/tháng.</p> <p>- Thời gian làm việc: Không toàn thời gian.</p> <p>- Nguồn chi: HĐQT đã ủy quyền Chủ tịch phân bổ từ các nguồn trong hệ thống.</p> <p>- Nhiệm vụ và quyền hạn của ông Hầu Văn Tuấn được thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính và các quy định khác có liên quan của Công ty.</p> <p>- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công.</p> <p>- Quyền lợi: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Giám đốc tài chính và pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Ông Hầu Văn Tuấn thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng kể từ ngày 01/10/2023.</p> <p>- Ông Hầu Văn Tuấn có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ công việc, tài liệu và hồ sơ liên quan đến vị trí đã đảm nhiệm cho người thay thế và các bộ phận, cá nhân liên quan tại Công ty.</p>

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
7	Số: 07/2023/NQ- HĐQT/LHC	26/09/2023	<p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thu Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/10/2023. <p>Thông tin về bà: Nguyễn Thị Thu Hương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày sinh: 05/01/1987 Nơi sinh: Sơn La. CCCD: 014187000015 cấp ngày 08/9/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Địa chỉ thường trú: Căn C402 Chung cư Nguyễn Lương Bằng, P2, TP Đà Lạt, Lâm Đồng. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân Tài chính kế toán. Thời hạn bổ nhiệm: 03 năm kể từ ngày 01/10/2023 hoặc khi có quyết định khác thay thế. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bà Nguyễn Thị Thu Hương được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Hội đồng quản trị về các công việc được giao trong phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của mình. Quyền lợi: được hưởng lương chức vụ, thưởng, chế độ và quyền lợi khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành. Bà Nguyễn Thị Thu Hương có trách nhiệm tiếp nhận lại công việc, tài liệu và hồ sơ liên quan đến vị trí kế toán trưởng của người tiền nhiệm. <p>Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất thay đổi người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin của Công ty như sau:</p> <p>1. Thông tin trước khi thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ông Hầu Văn Tuấn – kế toán trưởng Công ty. Chức vụ đã được ủy quyền: Kế toán trưởng Công ty, kiêm người được ủy quyền công bố thông tin. Không còn đảm nhiệm chức vụ: Kế toán trưởng và Người được ủy quyền công bố thông tin. Chức vụ sau khi không còn được ủy quyền: Giám đốc tài chính. Ngày bắt đầu có hiệu lực: 01/10/2023. <p>2. Thông tin sau khi thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bà Nguyễn Thị Thu Hương Chức vụ đã được ủy quyền: Người được ủy quyền công bố thông tin. Chức vụ sau khi bổ nhiệm/ủy quyền: Kế toán trưởng Công ty, kiêm người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày 01/10/2023 đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
7	Số: 07/2023/NQ- HĐQT/LHC	26/09/2023	<ul style="list-style-type: none"> Ngày bắt đầu có hiệu lực: 01/10/2023. <p>Điều 4. Hội đồng quản trị thống nhất trình ĐHĐCĐ đơn từ nhiệm theo nguyện vọng của ông Trần Hùng Phương. Việc phê duyệt miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên sẽ được thực hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.</p> <p>Điều 5. Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này</p>
8	Số: 08/2023/NQ- HĐQT/LHC	03/11/2023	<p>Điều 1: Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2023:</p> <p>1. Kết quả kinh doanh tại công ty mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu thuần: + Kế hoạch 2023: 180 tỷ đồng + Thực hiện 9 tháng: 110,56 tỷ đồng + Hoàn thành so KH: 61,42% Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch: 28,3 tỷ đồng + Thực hiện 9 tháng: 27,14 tỷ đồng + Hoàn thành so KH: 95,9% <p>2. Kết quả kinh doanh hợp nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu thuần: + Kế hoạch: 1.200 tỷ đồng + Thực hiện 9 tháng: 869,26 tỷ đồng + Hoàn thành so KH: 72,44% Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch: 144 tỷ đồng + Thực hiện 6 tháng: 144,53 tỷ đồng + Hoàn thành: 100,37% <p>Điều 2. Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỘC LẬP

CƠ CẤU TỔ CHỨC:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025, trong đó có 01 thành viên độc lập. Cơ cấu tổ chức của HĐQT trong năm 2023 đảm bảo tuân thủ Điều lệ và pháp luật về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên và cơ cấu thành viên độc lập. Tuy nhiên đến tháng 8/2023 một thành viên của HĐQT xin từ nhiệm nên HĐQT còn lại 4 thành viên.
- Thành viên độc lập HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, phân công nhiệm vụ của HĐQT.
- Trong năm 2023, HĐQT đã bổ nhiệm một (01) Giám đốc Tài chính.

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG:

- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức đầy đủ, hợp lệ, theo trình tự, thủ tục quy định tại điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Ngoài các phiên họp định kỳ, trong năm có 02 buổi họp bất thường vào ngày 25/9/2023 (quý 3) và ngày 13/10/2023 (quý 3) để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền. Thành viên HĐQT độc lập đã ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT họp và biểu quyết trong các buổi họp trong quý 2.
- Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Công tác lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định, trên cơ sở đó, các Nghị quyết được ban hành theo thể thức phù hợp quy định.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, các giải trình các ý kiến của cổ đông... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ GIÁM SÁT:

- Năm 2023, HĐQT đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty như sau:
- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Đã chỉ đạo Công ty nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, có trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của cổ đông và người lao động.

VỀ THÙ LAO: Trong năm 2023, Thành viên HĐQT độc lập đã nhận 60 triệu đồng tiền thù lao, 80 triệu đồng chi thưởng.

KẾT LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Các hoạt động của HĐQT năm 2023 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty. Trong đó, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được đề ra; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của cổ đông và người lao động.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

(Tính tại ngày 31/12/2023)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Huy Sáu	Trưởng Ban kiểm soát	222.000	1,54%	-
2	Hoàng Thị Lụa	Thành viên BKS	328.000	2,28%	-
3	Nguyễn Thị Liên	Thành viên BKS	165.000	1,15%	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2024.

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông LÊ HUY SÁU - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1968
- Nơi sinh : Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Thời gian	Quá trình công tác
1992 - 1997 :	Cán bộ Thủy lợi Phòng Kinh tế huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng
1997 - 2000 :	Cán bộ Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
2000 - 2020 :	Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 222.000 cổ phiếu, chiếm 1,54% vốn điều lệ.

Bà HOÀNG THỊ LỤA - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1967
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
01/10/1989 - 31/05/1993 :	Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp Quản lý và Khai thác Công trình thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng
01/06/1994 :	Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp Khai thác và chế biến Đá ốp lát thuộc Công ty Công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng
29/06/1998 - 30/06/2018 :	Nhân viên Thủ quỹ Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 - nay :	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 328.000 cổ phiếu, chiếm 2,28% vốn điều lệ.

Bà NGUYỄN THỊ LIÊN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1972
- Nơi sinh : Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
01/1995 - 06/1997 :	Kế toán thanh toán tại Công ty Phát triển Kinh tế Lâm Đồng
07/1997 - 02/2007 :	Kế toán trưởng Trung tâm lữ hành - Đơn vị thành viên thuộc CT Dịch vụ Du lịch Đà Lạt - Nay là CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
03/2007 - 09/2008 :	Chuyên viên phòng Kiểm soát nội bộ CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
10/2008 - 02/2010 :	Giám đốc Khu du lịch Prenn - Đơn vị thành viên thuộc CT Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
03/2010 - 09/2010 :	Phó phòng Đầu tư và Kiểm soát nội bộ CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
10/2010 - 03/2011 :	Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Sacom Tuyền Lâm Đà Lạt
04/2016 - 04/2021 :	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 - nay :	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 165.000 cổ phiếu, chiếm 1,15% vốn điều lệ.

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM: Không có

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, BKS đã tiến hành thực hiện các nội dung công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty. Cụ thể các hoạt động đã thực hiện của BKS trong năm 2023 như sau:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT với Tổng Giám Đốc và ban điều hành Công ty. Đại diện BKS tham gia họp giao ban định kỳ của Công ty.
- Kiểm tra sổ sách, ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán và tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại văn phòng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Đánh giá kết quả hoạt động, tình hình quản lý, tính pháp lý các dự án được triển khai tại Công ty mẹ và các Công ty con.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2023.
- Giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành Công ty. Giám sát việc quản lý tài chính và các quy định khác của Công ty.
- Giám sát việc điều hành kinh doanh, phân bổ nguồn lực, cân đối vốn để triển khai các kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận của Công ty.
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Giám sát tình hình tài chính, kế toán của công ty. Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính thường niên nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính.
- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- Thảo luận và thống nhất báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, BKS thẩm định và có những nhận xét như sau:

- Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày theo quy định của pháp luật, chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính Việt Nam và được kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.
- Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy. Các số liệu kế toán trong báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực tình hình tài chính, các giá trị đầu tư và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM SOÁT

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam đã được HĐQT lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023. BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 của công ty. Qua thẩm định, BKS thống nhất kết quả BCTC năm 2023 của công ty. BCTC năm 2023 được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp các quy định hiện hành.
- Qua BCTC năm 2023 đã được kiểm toán, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. BCTC phản ánh đầy đủ và rõ ràng, tình hình tài chính của công ty lành mạnh.
- BKS thống nhất với báo cáo của HĐQT về công tác quản trị công ty năm 2023.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2023

- HĐQT Công ty năm 2023 có 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập đảm bảo cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định. Ngày 18/09/2023 có 1 thành viên trong HĐQT nộp đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 01/10/2023 vì lý do cá nhân.
- HĐQT Công ty đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
- HĐQT thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2023. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện đúng chế độ công bố thông tin theo quy định Luật Chứng khoán.
- HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Tổng Giám đốc điều hành công việc sản xuất kinh doanh của công ty.
- BKS đánh giá hoạt động của HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị doanh nghiệp. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu và theo sát mọi hoạt động Công ty với tinh thần trách nhiệm cao.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TGD VÀ CỔ ĐÔNG

- Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho BKS tiếp cận với các thông tin một cách trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra hoặc thông qua hệ thống báo cáo tài chính của Công ty.
- BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp, BKS đã thảo luận đối với các vấn đề về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị của Công ty trong phạm vi chức năng của BKS.
- BKS thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của BKS và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi nhiệm vụ của mình.
- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra các vấn đề tài chính cũng như công tác quản lý từ cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Huy Sáu	Trưởng Ban kiểm soát	2	100%
2	Hoàng Thị Lụa	Thành viên BKS	2	100%
3	Nguyễn Thị Liên	Thành viên BKS	2	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Trong năm 2023, BKS triệu tập họp định kỳ để thảo luận các vấn đề sau:

- Phân giao công việc cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ của BKS, triển khai kế hoạch làm việc của BKS trong năm 2023.
- Triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính trong năm 2023 của Công ty.
- Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023. Thảo luận và thống nhất trình báo cáo BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban điều hành năm 2023

- Công ty cần thúc đẩy việc khảo sát, nghiên cứu nhằm tìm kiếm dự án mới đồng thời với việc tháo gỡ các vướng mắc các dự án đang triển khai để thúc đẩy phát triển lĩnh vực kinh doanh xây dựng.
- Xây lắp là lĩnh vực truyền thống của Công ty mẹ nhưng ngày càng khó khăn và đạt hiệu quả thấp. Do đó, HĐQT cần nghiên cứu cơ chế mới phù hợp hơn với lĩnh vực xây lắp để quản lý và cải thiện hiệu quả hoạt động.
- HĐQT cần chú trọng nhiều hơn đến việc tuyển dụng, đào tạo thế hệ kế cận, đảm bảo việc phát triển bền vững của Công ty.

Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2024

- Tiếp tục duy trì tốt chức năng kiểm tra, giám sát các chỉ tiêu, nội dung kinh tế kế hoạch mà nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch, công khai vì lợi ích của cổ đông và Công ty;
- Phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm thu thập thông tin, đưa ra kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành về công tác kiểm soát chi phí và kiểm soát vốn tại các Công ty con.
- Phối hợp với Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận đảm bảo chất lượng và an toàn lao động để soát xét chi phí, đánh giá hiệu quả kinh tế của một số công trình hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể đề nghị sử dụng tư vấn độc lập là các Công ty kiểm toán độc lập.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2023
THÙ LAO CỦA TV HĐQT				
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	796.000.000	1.345.611.727
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	105.000.000	120.000.000
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	60.000.000	45.000.000
4	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
5	Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG			1.081.000.000	1.630.611.727
THU NHẬP CỦA TV BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	830.506.000	1.117.588.000
2	Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc	276.500.000	603.540.000
3	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	267.967.000	10.000.000
4	Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	413.056.000	559.988.000
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	-	259.428.000
TỔNG CỘNG			1.788.029.000	2.550.544.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2023
THÙ LAO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	796.000.000	1.345.611.727
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	105.000.000	120.000.000
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	60.000.000	45.000.000
4	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
5	Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG			1.081.000.000	1.630.611.727
THU NHẬP CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	830.506.000	1.117.588.000
2	Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc	276.500.000	603.540.000
3	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	267.967.000	10.000.000
4	Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	413.056.000	559.988.000
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	-	259.428.000
TỔNG CỘNG			1.788.029.000	2.550.544.000

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2023
CỔ TỨC ĐÃ CHIA CHO TV HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.072.000.000	2.144.000.000
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	528.200.000	1.679.900.000
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	146.500.000
4	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	-	20.850.000
5	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	140.000.000	183.200.000
6	Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	-	69.000.000
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	-	42.008.000
TỔNG CỘNG			1.740.200.000	4.285.458.000
TIỀN LƯƠNG VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA TV BKS				
1	Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
2	Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
TỔNG CỘNG			108.000.000	108.000.000
CỔ TỨC ĐÃ CHIA CHO TV BKS				
1	Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	206.000.000	444.000.000
2	Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	319.800.000	656.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	160.590.000	330.000.000
TỔNG CỘNG			686.390.000	1.430.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

DANH SÁCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

SỐ DƯ PHẢI THU (PHẢI TRẢ) VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023
Phải thu khách hàng ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	2.690.539.800
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	85.770.000
Trả trước thương mại	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	4.214.826.758
Phải thu về cho vay ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000.000.000
Trích trước lãi cho vay	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301
Phải trả cho người bán ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(69.622.793)

SỐ DƯ PHẢI THU (PHẢI TRẢ) VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023
Cung cấp dịch vụ	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	3.350.882.354
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	6.897.682.000
Bán vật tư	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	18.115.500
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	800.000.000
Mua hàng và dịch vụ	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	11.004.662.789
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	5.330.155.840
Lãi cho vay	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301
Nhận cổ tức	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	37.642.498.800
Cho vay	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	528.500	3,67%	934.900	6,49%	Mua
2	Phạm Thị Thủy	Vợ của PCTHĐQT	407.000	2,83%	0	0%	Bán
3	Nguyễn Thị Mai Lan	Mẹ của PCTHĐQT	936.400	6,50%	973.400	6,76%	Mua
4	Lý Chủ Hưng	TV HĐQT	35.700	0,25%	2.000	0,01%	Bán
5	Hầu Văn Tuấn	Giám đốc Tài chính	27.000	0,18%	37.000	0,26%	Mua
6	Nguyễn Thị Sương	Vợ của Giám đốc Tài chính	0	0%	0	0%	Trong kỳ, Mua 1.000CP. Bán 1.000 CP
7	Trần Hùng Phương	TV.HĐQT	140.000	0,97%	0	0%	Bán
8	Phan Minh Hiếu	Con của TV BKS	0	0%	163.800	1,14%	Mua
9	Lê Thị Thùy	Em gái của CT HĐQT	2.000	0,01%	5.700	0,04%	Mua

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Shih Kuan Tung	Cổ đông lớn	2.029.000	13,67%	2.103.500	14,60%	Mua
2	Nguyễn Ngọc Duy	Cổ đông lớn	1.263.800	8,78%	0	0%	Bán
3	Công ty CP Phước Hòa	Cổ đông lớn	0	0%	760.800	5,28%	Mua
4	Trần Việt Thắng	Cổ đông lớn	528.500	3,67%	934.900	6,49%	Mua
5	Nguyễn Thị Mai Lan	Cổ đông lớn	936.400	6,50%	973.400	6,76%	Mua

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY: Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH: Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA CÔNG TY CÓ THỂ MANG LẠI LỢI ÍCH VẬT CHẤT HOẶC PHI VẬT CHẤT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng luôn chú trọng đến việc quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ. Để đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông và các nhà đầu tư, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. Công ty cũng đảm bảo thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, rõ ràng. Ban lãnh đạo không ngừng hoàn thiện bộ máy quản trị phù hợp với bản sắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên Ban lãnh đạo để hoạt động quản trị mang lại hiệu quả cao.



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023
- Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2023



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên – miễn nhiệm ngày 01/10/2023
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính – bổ nhiệm ngày 01/10/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng – bổ nhiệm ngày 01/10/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 273 /2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1

Lê Võ Thuý Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3525-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

Mẫu số B 01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		660.825.539.644	558.018.506.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	197.316.312.274	174.393.942.334
1. Tiền	111		67.316.312.274	72.543.942.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	101.850.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.255.883.185	222.518.197.247
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	123.756.848.032	160.919.748.042
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	124.783.227.709	61.228.254.620
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	4.054.414.928
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4.100.000.000	2.100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	95.798.166.974	24.382.423.947
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(34.182.359.530)	(30.166.644.290)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	141.717.841.616	153.910.721.313
1. Hàng tồn kho	141		143.268.646.485	155.461.526.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.535.502.569	7.195.645.735
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	499.674.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	4.331.470.070	4.887.196.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	3.204.032.499	1.808.774.983
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		437.684.633.088	472.871.142.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.085.352.449	2.323.367.269
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	3.085.352.449	2.323.367.269
II. Tài sản cố định	220		369.259.215.070	424.061.955.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	333.819.244.946	391.287.689.701
Nguyên giá	222		911.618.466.798	916.951.999.490
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(577.799.221.852)	(525.664.309.789)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	35.439.970.124	32.774.265.406
Nguyên giá	228		41.069.091.474	38.054.091.474
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.629.121.350)	(5.279.826.068)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	1.727.587.500	1.787.677.500
1. Nguyên giá	231		2.103.150.000	2.103.150.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(375.562.500)	(315.472.500)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.750.707.333	18.428.118.376
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	38.750.707.333	18.428.118.376
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.861.770.736	26.270.023.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	22.816.013.185	23.290.961.818
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.19	2.045.757.551	2.979.062.117
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.098.510.172.732	1.030.889.648.816

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN/HN

Mẫu số B 02 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		408.926.635.282	418.246.663.386
I. Nợ ngắn hạn	310		364.537.689.548	412.838.067.652
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	59.635.363.960	80.109.843.313
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	195.409.065.572	184.357.100.743
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	7.158.113.947	42.963.715.554
4. Phải trả người lao động	314		38.554.187.743	46.426.096.233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	8.466.870.885	8.019.512.449
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		10.465.939	9.313.166
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.560.342.774	6.880.161.282
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	39.987.716.220	35.491.453.962
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	8.535.030.889	6.034.732.237
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.220.531.619	2.546.138.713
II. Nợ dài hạn	330		44.388.945.734	5.408.595.734
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	4.402.445.734	4.422.095.734
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	39.000.000.000	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.18	986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		689.583.537.450	612.642.985.430
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	689.583.537.450	612.642.985.430
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		212.272.033.188	169.699.262.599
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.725.382.556	68.429.402.444
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		18.656.631.855	1.259.679.453
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.068.750.701	67.169.722.991
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		245.533.413.526	221.461.612.207
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.098.510.172.732	1.030.889.648.816

Phê duyệt

Người lập



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.119.808.512.341	1.417.274.934.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		537.379.164	766.124.656
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.119.271.133.177	1.416.508.809.812
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	842.466.132.340	1.141.789.980.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276.805.000.837	274.718.828.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.898.958.340	2.737.687.439
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.671.139.745	1.449.583.010
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.298.962.979	1.095.003.885
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	3.162.427.454	3.342.499.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	119.001.622.748	131.481.655.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		155.868.769.230	141.182.777.721
11. Thu nhập khác	31	5.7	10.771.762.997	9.591.036.721
12. Chi phí khác	32	5.8	5.347.086.950	2.780.814.523
13. Lợi nhuận khác	40		5.424.676.047	6.810.222.198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		161.293.445.277	147.992.999.919
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	34.085.387.490	31.732.287.333
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	933.304.567	(539.774.381)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		126.274.753.220	116.800.486.967
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		81.668.750.701	74.369.722.991
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		44.606.002.519	42.430.763.976
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	5.671	5.142
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.4	5.671	5.142

Phê duyệt

Người lập



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		161.293.445.277	147.992.999.919
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	84.696.398.933	83.385.387.044
Các khoản dự phòng	03		6.516.013.892	6.497.791.802
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.309.439	174.623.664
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.323.622.390)	(4.697.497.990)
Chi phí lãi vay	06	5.4	4.298.962.979	1.095.003.885
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		247.495.508.130	234.448.308.324
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.101.065.432)	(22.044.731.238)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.192.879.697	(57.570.893.795)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		100.483.216.932	(48.041.242.481)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		974.623.207	999.735.472
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.937.680.788)	(884.200.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(53.661.699.491)	(6.756.493.332)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(325.607.094)	(300.596.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		209.120.175.161	99.849.885.183
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(194.064.534.289)	(136.247.323.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.389.558.922	5.660.350.168
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	294.580.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(330.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.326.967.282	2.422.242.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(180.348.008.085)	(128.420.150.444)

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	101.185.553.385	135.447.973.359
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(57.689.291.127)	(101.331.519.397)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.20.1	(49.334.201.200)	(22.308.613.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.837.938.942)	11.807.839.963
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		22.934.228.134	(16.762.425.298)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		174.393.942.334	191.330.991.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.858.194)	(174.623.664)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	197.316.312.274	174.393.942.334



Phê duyệt
Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 12 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 840 (31/12/2022 là: 881).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.5. Các công ty con được hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xi, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật kỳ chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.5. Nợ phải thu****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phú Đồng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thanh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn.
- Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, xã Tiên Hoàng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng, thời hạn sử dụng đến năm 2043.
- Tại 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056.
- Các thửa đất, tờ bản đồ và thời hạn sử dụng tương ứng tại Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông như sau:

Thửa đất	Tờ bản đồ	Thời hạn sử dụng
Số 13	Số 5	Đến 2056
Số 64	Số 5	Đến 15/10/2056
Số 27	Số 15	Đến 01/07/2064
Số 84	Số 16	Đến 01/07/2064
Số 27	Số 22	Đến 2050
Số 63	Số 5	Đến 2050
Số 29	Số 22	Đến 03/2058
Số 61	Số 15	Đến 2050

- Thửa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 56, Thửa đất số: 110 Tờ bản đồ số: 56, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 15/10/2044.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhà cửa, vật kiến trúc là 8 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động;

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.10. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang là quyền sử dụng đất đang chờ hoàn tất đầy đủ giấy tờ hợp lý hợp lệ, bao gồm:

- Thửa đất số: 79, Tờ bản đồ số: 12, thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2063.
- Thửa đất số: 184, 185, 181 Tờ bản đồ số: 61, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064, trong đó có 1.636 m² sử dụng đến 15/10/2048.
- Thửa đất số: 65 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056 và đến 2057.
- Thửa đất số: 104 Tờ bản đồ số: 1, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2061.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại Mục 3.19 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.21. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.22. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.23. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.27. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.409.960.189	2.212.024.284
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.906.352.085	70.331.918.050
Các khoản tương đương tiền (*)	130.000.000.000	101.850.000.000
Cộng	197.316.312.274	174.393.942.334

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ từ 2,10% đến 6,00%/năm.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,75%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	8.181.704.267	28.687.291.754
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác (*)	106.772.580.710	123.429.893.233
Cộng	123.756.848.032	160.919.748.042

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Ông Lê Hữu Chiến (a)	49.930.000.000	-
Công ty TNHH Trọng Tín (b)	24.088.958.380	14.837.325.896
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Chuyển Đổi Số Đại Nam (c)	5.395.500.000	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng TM Trường Thành (d)	9.998.553.000	9.998.553.000
Nguyễn Viết Lương (e)	8.195.416.799	8.195.416.799
Các nhà cung cấp khác (*)	22.662.799.530	23.684.958.925
Cộng	124.783.227.709	61.228.254.620

(a) Trả trước cho Ông Lê Hữu Chiến là khoản trả trước để chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gân Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

(b) Trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng số 07-12/2023/HĐXD/ICCO40-TT ngày 07 tháng 12 năm 2023.

(c) Trả trước cho Công Ty TNHH Đầu Tư Và Chuyển Đổi Số Đại là khoản trả trước cho việc cung cấp, lắp đặt trạm trộn bê tông theo Hợp đồng số HDTT.23-024/DTDAINAM-LBMDAKNONG ký kết ngày 19 tháng 03 năm 2023.

(d) Trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trường Thành liên quan đến dự án hồ chứa nước Ta Hoét theo Hợp đồng số 2401/2022/HĐ/ICCO40-TT ngày 24 tháng 01 năm 2022.

(e) Trả trước cho Ông Nguyễn Viết Lương là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(*) Tại ngày 31/12/2023, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	75.902.521.000	-	8.208.727.539	-
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	14.404.356.617	(19.780.700)	10.286.534.630	-
Phải thu khác	1.065.415.491	(118.932.268)	1.461.287.912	(83.170.158)
Cộng	95.798.166.974	(4.564.586.834)	24.382.423.947	(4.509.044.024)
Dài hạn:				
Kỳ cược, kỳ quỹ	3.085.352.449	-	2.323.367.269	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	37.836.777.535	8.223.627.039	31.809.192.100	6.192.363.650
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.609.449.134	40.240.100	4.551.340.840	1.525.000
Cộng	42.446.226.669	8.263.867.139	36.360.532.940	6.193.888.650

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	8.802.563.055	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nam	4.646.937.948	2.000.000.000	4.646.937.948	2.323.468.974
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải TT QLKT CT Công cộng Huyện Đatêh	3.528.200.000	-	3.528.200.000	1.764.100.000
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Tp.HCM – Công trình Đê bao Bà Hồng	2.033.760.000	-	2.033.760.000	-
Các khách hàng khác	22.492.411.614	6.263.867.139	942.354.052	-
Cộng	42.446.226.669	8.263.867.139	36.360.532.940	6.193.888.650

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.170.590.104	-	85.611.126.429	-
Công cụ, dụng cụ	1.914.859.110	-	1.883.632.142	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	30.916.462.096	-	27.399.770.790	-
Thành phẩm	28.252.674.869	(835.242.862)	37.142.092.799	(835.242.862)
Hàng hóa	2.014.060.306	(715.562.007)	3.424.904.022	(715.562.007)
Cộng	143.268.646.485	(1.550.804.869)	155.461.526.182	(1.550.804.869)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Hồ chứa nước Đông Thanh	7.469.204.899	6.756.974.817
Hồ chứa nước Ka Zam	2.179.724.250	-
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh - Long An	1.841.152.648	-
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.365.291.035	1.249.558.152
Rạch Cái Cầu	4.250.339.244	3.577.518.522
Tuyến Suối Nhum	4.157.086.195	4.226.087.199
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	9.653.663.825	11.589.632.100
Cộng	30.916.462.096	27.399.770.790

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa Nhà 929 Cần Thơ	-	3.750.617.362
Hệ nghiên Cam Ly	22.906.734.624	-
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	3.874.410.560	454.254.856
Mua quyền sử dụng đất	7.047.005.500	7.047.005.500
Chi phí khác	4.922.556.649	7.176.240.658
Cộng	38.750.707.333	18.428.118.376

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	15.175.702.880	14.508.062.380
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	7.318.360.109	7.499.536.169
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	321.950.196	1.283.363.269
Cộng	22.816.013.185	23.290.961.818
(*) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:		
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	13.703.867.246	13.274.306.654
Quyền khai thác mỏ Nithon Hạ	1.299.114.567	1.016.935.659
Quyền khai thác mỏ Tutra	172.721.067	216.820.067
Cộng	15.175.702.880	14.508.062.380

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2023	143.948.732.807	469.464.599.776	299.580.600.234	2.901.046.915	520.611.939	536.407.819	916.951.999.490
Tăng trong năm	8.900.686.420	7.098.517.184	18.697.039.149	33.000.000	-	-	34.729.242.753
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.968.361.658)	(25.094.413.787)	-	-	-	(40.062.775.445)
Tại ngày 31/12/2023	152.849.419.227	461.594.755.302	293.183.225.596	2.934.046.915	520.611.939	536.407.819	911.618.466.798
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2023	70.203.154.847	288.229.089.686	165.000.630.056	1.394.215.442	520.611.939	316.407.819	525.664.309.789
Khấu hao trong năm	12.618.804.150	33.533.454.245	37.635.026.857	499.728.399	-	-	84.287.013.651
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.872.153.902)	(17.279.947.686)	-	-	-	(32.152.101.588)
Tại ngày 31/12/2023	82.821.958.997	306.890.390.029	185.355.909.227	1.893.943.841	520.611.939	316.407.819	577.799.221.852
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2023	73.745.577.960	181.235.510.090	134.579.770.178	1.506.831.473	-	220.000.000	391.287.689.701
Tại ngày 31/12/2023	70.027.460.230	154.704.365.273	107.827.316.369	1.040.103.074	-	220.000.000	333.819.244.946

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 315.760.642.651 VND.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ hữu hình là 135.475.405.194 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

28

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thâm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	34.884.831.876	2.528.795.098	640.464.500	38.054.091.474
Tăng trong năm	3.015.000.000	-	-	3.015.000.000
Tại ngày 31/12/2023	37.899.831.876	2.528.795.098	640.464.500	38.054.091.474
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	2.110.566.470	2.528.795.098	640.464.500	5.279.826.068
Khấu hao trong năm	349.295.282	-	-	349.295.282
Tại ngày 31/12/2023	2.459.861.752	2.528.795.098	640.464.500	5.629.121.350
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	32.774.265.406	-	-	32.774.265.406
Tại ngày 31/12/2023	35.439.970.124	-	-	35.439.970.124

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.210.745.598 VND.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ vô hình là 6.436.207.964 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nguyên giá:				
Nhà, văn phòng làm việc 251 Ung Văn Khiêm	2.103.150.000	-	-	2.103.150.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà, văn phòng làm việc 251 Ung Văn Khiêm	375.562.500	60.090.000	-	315.472.500
Giá trị còn lại:				
Nhà, văn phòng làm việc 251 Ung Văn Khiêm	<u>1.727.587.500</u>			<u>1.787.677.500</u>

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Gạch không nung Thiên Tự Phước	3.592.843.506	3.592.843.506	10.017.276.606	10.017.276.606
Công ty TNHH Hữu Biên	5.691.576.000	5.691.576.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Thành Đạt	4.223.808.500	4.223.808.500	5.047.041.000	5.047.041.000
Công ty Hòa Thành Tiên	915.316.796	915.316.796	2.999.206.692	2.999.206.692
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	45.211.819.158	45.211.819.158	62.046.319.015	62.046.319.015
Cộng	59.635.363.960	59.635.363.960	80.109.843.313	80.109.843.313

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (a)	75.200.000.000	78.850.220.688
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà (b)	31.759.595.042	70.119.024.135
Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng và Công trình CC huyện Đơn Dương (c)	34.132.179.088	-
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh (d)	32.611.363.000	-
Các khách hàng khác	21.705.928.442	35.387.855.920
Cộng	195.409.065.572	184.357.100.743

(a) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét theo Hợp đồng số 868/2021/HĐXL-ĐTĐDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 và công trình Kênh Đạ Ròn theo Hợp đồng số 480/2021/HĐXL-ĐTĐDCT ngày 06 tháng 09 năm 2021.

(b) Người mua trả tiền trước là Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà liên quan đến công trình đập Đông Thanh Lâm Hà và Hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 222/HĐ-TCXD ngày 23 tháng 12 năm 2021.

(c) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình Công Cộng huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.

(d) Người mua trả tiền trước là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh liên quan đến công trình sửa chữa hồ chứa nước Tha La, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng số 50/2023/HĐXL ngày 06 tháng 12 năm 2023.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.857.009.472	1.101.046.522	86.300.061.860	91.736.796.649	5.931.047.059	7.611.818.898
Thuế thu nhập doanh nghiệp	479.027.238	5.212.669.785	34.085.387.490	53.661.699.491	740.493.702	25.050.448.250
Thuế thu nhập cá nhân	-	803.020.911	7.980.155.920	8.389.525.790	-	1.212.390.781
Thuế tài nguyên	63.853.161	92.640	9.096.886.440	14.270.456.735	22.903.500	5.132.713.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.131.085.798	-	7.585.762.084	12.711.308.493	-	2.994.460.611
Các loại thuế khác	3.000.000	41.284.089	2.407.372.520	3.330.972.171	-	961.883.740
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	69.008.921	69.008.921	1.526.900	-
Cộng	7.535.502.569	7.158.113.947	147.524.635.235	184.169.768.250	6.695.971.161	42.963.715.554

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.257.391.628	1.343.590.733
Trích trước cung cấp quyền khai thác mỏ Camly	1.476.216.131	-
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	5.313.266.659	6.612.988.349
Các khoản trích trước khác	419.996.467	62.933.367
Cộng	8.466.870.885	8.019.512.449

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	412.861.370	-
Phải trả chi phí sửa chữa Cổng Vĩnh Bình, Kênh Ba Thê	1.100.000.000	-
Kinh phí công đoàn	549.744.660	881.680.688
Khoản tạm giữ chờ quyết toán công trình	747.261.310	755.763.755
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.750.475.434	5.242.716.839
Cộng	4.560.342.774	6.880.161.282
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	510.000.000	529.650.000
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả ông Bùi Trung Thu	2.392.445.734	2.392.445.734
Cộng	4.402.445.734	4.422.095.734

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.744.202.495	9.744.202.495	19.840.931.834	26.482.358.854	16.385.629.515	16.385.629.515
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.233.513.725	10.233.513.725	15.644.621.551	13.943.846.626	8.532.738.800	8.532.738.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	-	-	-	2.766.085.647	2.766.085.647	2.766.085.647
Vay các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.970.000.000	4.970.000.000	5.650.000.000	7.900.000.000	7.220.000.000	7.220.000.000
Vay đối tượng khác	40.000.000	40.000.000	50.000.000	597.000.000	587.000.000	587.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	15.000.000.000	15.000.000.000	21.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Cộng	39.987.716.220	39.987.716.220	62.185.553.385	57.689.291.127	35.491.453.962	35.491.453.962
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	39.000.000.000	39.000.000.000	60.000.000.000	21.000.000.000	-	-
Tổng cộng	78.987.716.220	78.987.716.220	122.185.553.385	78.689.291.127	35.491.453.962	35.491.453.962

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 - Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 6,00%/năm.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 - Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 7,73%/năm.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 95.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: 9,3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
 - Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn tự có đối với các chi phí Tập đoàn đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
 - Những máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phú Đồng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBB ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.9 và 4.10.
 - Những máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.
 - Những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND, 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.
 - Những phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBB ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	8.535.030.889	6.034.732.237
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

4.19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.045.757.551	2.979.062.117

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	186.242.466.476	52.066.169.622	187.439.968.972	518.801.313.250	
Tăng vốn từ chia cổ phiếu thưởng	72.000.000.000	(12.000.000.000)	(60.000.000.000)	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	74.369.722.991 (14.400.000.000)	42.430.763.976 (7.908.613.999)	116.800.486.967 (22.308.613.999)	
Chia cổ tức	-	-	-	(43.456.796.123)	-	-	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	43.456.796.123	(320.303.989)	-	(320.303.989)	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	170.609.943	(500.506.742)	(329.896.799)	
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	169.699.262.599	68.429.402.444	221.461.612.207	612.642.985.430	
Lãi trong năm nay	-	-	-	81.668.750.701	44.606.002.519	126.274.753.220	
Chia cổ tức từ Quý đầu tư phát triển	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	-	(7.200.000.000)	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	46.613.874.998	(46.613.874.998)	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(21.600.000.000)	(20.534.201.200)	(42.134.201.200)	
Tại ngày 31/12/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	212.272.033.188	78.725.382.556	245.533.413.526	689.583.537.450	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	81.668.750.701	74.369.722.991
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(320.303.989)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	81.668.750.701	74.049.419.002
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	14.400.000	14.400.000

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

5.671 5.142

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	33.624,33	976,17
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các khách hàng khác	6.036.982.233	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu thi công	993.715.201.309	1.261.413.205.455
Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	44.251.728.359	74.504.015.661
Doanh thu gồm sứ chịu lửa	32.241.128.856	33.940.464.581
Doanh thu gạch	21.393.841.549	31.406.181.005
Doanh thu cao lanh	23.938.255.893	11.864.413.499
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	4.268.356.375	4.146.654.267
Tổng cộng	1.119.808.512.341	1.417.274.934.468

Doanh thu thi công năm nay giảm hơn 21% so với năm trước là do trong năm không phát sinh nhiều công trình mới, các công trình cũ đã gần hoàn thiện hết các hạng mục.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn thi công	785.724.090.497	1.071.981.413.630
Giá vốn kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	5.174.454.278	21.800.557.451
Giá vốn gồm sứ chịu lửa	21.629.296.647	24.791.298.249
Giá vốn gạch	7.912.283.359	9.228.288.954
Giá vốn cao lanh	17.775.961.199	10.506.085.571
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	4.250.046.360	3.482.337.037
Cộng	842.466.132.340	1.141.789.980.892

Giá vốn năm nay giảm 26% so với năm trước và nhiều hơn tỷ lệ giảm của doanh thu do Tập đoàn kiểm soát tốt chi phí đầu vào.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	5.844.737.325	2.422.242.805
Lãi chênh lệch tỷ giá	53.473.329	315.444.634
Doanh thu tài chính khác	747.686	-
Cộng	5.898.958.340	2.737.687.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay (*)	4.298.962.979	1.095.003.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá	263.962.310	309.932.364
Chi phí tài chính khác	108.214.456	44.646.761
Cộng	4.671.139.745	1.449.583.010

(*) Chi phí lãi vay tăng hơn 393% so với năm trước là do nhu cầu vốn lưu động tăng nên Tập đoàn có thêm các khoản vay mới – Xem thêm Mục 4.17.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	373.258.493	215.164.362
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.796.872.161	1.816.097.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.965.356	221.069.915
Chi phí bằng tiền khác	927.798.112	1.060.635.077
Cộng	3.162.427.454	3.342.499.860

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	75.971.374.522	86.971.402.774
Chi phí vật liệu quản lý	2.901.538.088	3.075.193.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.460.715.630	1.591.990.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.968.336.701	9.579.084.789
Thuế, phí và lệ phí	2.504.362.595	2.246.847.483
Chi phí dự phòng	6.106.813.240	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.182.747.852	4.375.418.245
Chi phí bằng tiền khác	15.905.734.120	23.641.718.417
Cộng	119.001.622.748	131.481.655.768

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.478.885.065	2.257.527.912
Bán vật tư	2.001.079.401	-
Thu bồi thường bảo hiểm	946.648.402	1.050.000.000
Thu vi phạm hợp đồng đặt cọc đất (*)	1.500.000.000	-
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình (**)	529.940.716	3.420.000.000
Thu nhập khác	2.315.209.413	2.863.508.809
Cộng	10.771.762.997	9.591.036.721

(*) Là khoản thu do vi phạm hợp đồng tiền nhận đặt cọc đất tại xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long với diện tích 9639,7m² của Công ty TNHH Đông Tàu CKC.

(**) Là khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành của các công trình đã hết hạn bảo hành theo các hợp đồng thi công xây dựng công trình.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn từ bán vật tư	1.872.760.197	-
Các khoản bị phạt	2.119.751.538	1.126.677.476
-Chi phí khác	1.354.575.215	1.654.137.047
Cộng	5.347.086.950	2.780.814.523

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.190.638.957	729.665.205.113
Chi phí nhân công	191.309.028.321	219.530.721.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.696.398.933	83.385.387.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.010.360.301	208.782.654.514
Chi phí khác bằng tiền	49.640.185.690	46.681.719.203
Cộng	957.846.612.202	1.288.045.687.415

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	161.293.445.277	147.992.999.919
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.780.266.436	7.964.872.235
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(19.225.100.569)	(1.114.681.599)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(1.341.555.539)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	145.507.055.605	154.843.190.555
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	29.101.411.121	30.968.638.111
Trừ: Thuế TNDN được ưu đãi	(39.365.260)	(183.373.201)
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023	9.742.703	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 5548/QĐ-CCT	-	605.959.091
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	5.013.598.926	341.063.332
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	34.085.387.490	31.732.287.333

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định là xe ô tô với nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	(1.996.214.932)	(443.072.804)	(2.439.287.736)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(527.204.015)	(12.570.366)	(539.774.381)
Tại ngày 01/01/2023	(2.523.418.947)	(455.643.170)	(2.979.062.117)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	821.482.187	111.822.380	933.304.567
Điều chỉnh khác	-	(1)	(1)
Tại ngày 31/12/2023	(1.701.936.760)	(343.820.791)	(2.045.757.551)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	101.185.553.385	135.447.973.359

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(57.689.291.127)	(101.331.519.397)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Điện năng lượng mặt trời.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Thi công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gốm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Điện năng lượng mặt trời VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.026.145.184.305	85.087.885.194	32.241.128.856	45.770.817.424	23.938.255.893	4.268.356.375	(98.180.494.870)	1.119.271.133.177
GVNB	820.708.341.305	50.025.842.137	21.636.046.647	31.477.916.176	17.769.211.199	4.250.046.360	(103.401.271.484)	842.466.132.340
Lãi gộp	205.436.843.000	35.062.043.057	10.605.082.209	14.292.901.248	6.169.044.694	18.310.016	5.220.776.614	276.805.000.837
Chi phí bán hàng	946.996.553	23.955.656	1.796.872.161	3.440.841	391.162.243	-	-	3.162.427.454
Chi phí QLDN	102.250.048.169	1.847.561.264	4.898.439.597	6.683.993.317	3.229.330.541	354.182.587	(261.932.727)	119.001.622.748
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	102.239.798.278	33.190.526.137	3.909.770.451	7.605.467.090	2.548.551.910	(335.872.572)	5.482.709.341	154.640.950.635
Doanh thu tài chính	42.547.862.244	17.084.051.496	2.222.408	798.277.674	678.160	6.472.326	(54.540.605.968)	5.898.958.340
Chi phí tài chính	80.195.070	5.296.027.809	59.147.777	-	13.229.407	448.689	(777.909.007)	4.671.139.745
Lợi nhuận HĐ tài chính	42.467.667.174	11.788.023.687	(56.925.369)	798.277.674	(12.551.247)	6.023.637	(53.762.696.961)	1.227.818.595
Thu nhập khác	16.809.996.211	2.462.796.069	4.197.502	83.093.520	1.344.070	3.150.439	(8.592.814.814)	10.771.762.997
Chi phí khác	10.102.289.815	2.927.600.500	1	91.083.074	270.257	2.474.166	(7.776.630.863)	5.347.086.950
Lợi nhuận khác	6.707.706.396	(464.804.431)	4.197.501	(7.989.554)	1.073.813	676.273	(816.183.951)	5.424.676.047
Tổng lợi nhuận trước thuế	151.415.171.848	44.513.745.393	3.857.042.583	8.395.755.210	2.537.074.476	(329.172.662)	(49.096.171.571)	161.293.445.277
Chi phí thuế TNDN								34.085.387.490
Chi phí thuế hoãn lại								933.304.567
Lợi nhuận sau thuế								126.274.753.220

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Thị công cộng		Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gốm sứ chịu lửa		Gạch		Cao lanh		Điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Năm 2023 VND
Tài sản của bộ phận	1.072.290.988.526	88.914.292.804	33.691.014.472	47.829.133.995	25.014.760.783	4.460.304.633	(175.736.090.033)	1.096.464.415.181								
Tài sản không phân bổ	2.045.757.551	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.045.757.551
Tổng tài sản	1.074.336.756.077	88.914.292.804	33.691.014.472	47.829.133.995	25.014.760.783	4.460.304.633	(175.736.090.033)	1.098.510.172.732								
Nợ phải trả của bộ phận	369.350.601.076	30.626.525.390	11.604.868.886	16.474.743.716	8.616.333.573	1.536.351.792	(29.282.789.152)	408.926.635.282								
Chi phí mua sắm tài sản	16.138.439.272	19.115.778.489	-	2.897.853.276	319.444.444	-	(727.272.728)	37.744.242.753								
Chi phí khấu hao	74.637.365.782	7.015.481.000	840.202.630	2.241.370.180	417.925.043	668.317.704	(1.324.263.406)	84.696.398.933								

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Thị công cộng		Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gốm sứ chịu lửa		Gạch		Cao lanh		Điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND	VND	Năm 2022 VND
Doanh thu thuần	1.303.369.472.470	115.309.979.300	33.940.464.581	60.736.729.550	11.864.413.499	4.146.654.267	(112.858.903.855)	1.416.508.809.812								
GVNB	1.100.127.478.848	73.691.302.043	25.348.438.057	40.357.396.565	9.940.901.200	3.482.337.037	(111.157.872.858)	1.141.789.960.892								
Lãi gộp	203.241.993.622	41.618.677.257	8.592.026.524	20.379.332.985	1.923.512.299	664.317.230	(1.701.030.997)	274.718.828.920								
Chi phí bán hàng	1.213.369.254	82.457.912	1.816.097.174	3.314.608	227.260.912	-	-	3.342.499.860								
Chi phí QLDN	113.627.927.468	1.705.195.425	4.331.183.680	9.190.797.839	2.275.842.014	650.709.342	(300.000.000)	131.481.655.768								
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	88.400.696.900	39.831.023.920	2.444.745.670	11.185.220.538	(579.590.627)	13.607.888	(1.401.030.997)	139.894.673.292								
Doanh thu tài chính	15.488.462.971	22.664.631.445	179.084.081	596.221.658	14.024.149	1.292.046	(36.206.028.911)	2.737.687.439								
Chi phí tài chính	300.210.998	1.611.867.279	117.526.669	-	12.167.370	2.228.322	(594.417.628)	1.449.583.010								
Lợi nhuận HĐ tài chính	15.188.251.973	21.052.764.166	61.557.412	596.221.658	1.856.779	(936.276)	(35.611.611.283)	1.288.104.429								
Thu nhập khác	9.830.668.365	873.372.022	1.498.192	50.321.669	19.573.893	13.784.398	(1.198.181.818)	9.591.036.721								
Chi phí khác	1.652.076.001	1.126.483.829	357.801	52.605	599	1.843.688	-	2.780.814.523								
Lợi nhuận khác	8.178.592.364	(253.111.807)	1.140.391	50.269.064	19.573.294	11.940.710	(1.198.181.818)	6.810.222.198								
Tổng lợi nhuận trước thuế	111.767.541.237	60.630.676.279	2.507.443.473	11.831.711.260	(558.160.554)	24.612.322	(38.210.824.098)	147.992.999.919								
Chi phí thuế TNDN								31.732.287.333								
Chi phí thuế hoãn lại								(539.774.381)								
Lợi nhuận sau thuế								116.800.486.967								

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.

(b) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gản Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh (gần khu vực mỏ đá Tín Thái, Gản Reo) với diện tích 900 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.563 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2023

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 212, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.539 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 214, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 282 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 409 m² theo theo bản liệt kê tọa độ góc ranh trong Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 5.036 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.439 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.671,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 71, TĐĐ 51, diện tích: 5.772 m² tại xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 322, TĐĐ 35c, diện tích: 1.000 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 256-257-287, TĐĐ 35c, diện tích: 5.046 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 228, TĐĐ 35c, diện tích: 6.028 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 323, TĐĐ 35c, diện tích: 2.784 m²; thửa số 288, TĐĐ 35c, diện tích: 380 m²; thửa số 229, TĐĐ 35c, diện tích: 2.119 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 123, TĐĐ 51, diện tích: 1.135,8 m²; thửa số 124, TĐĐ 51, diện tích: 3.018,2 m²; thửa số 225, TĐĐ 35c, diện tích: 2.261 m²; thửa số 227, TĐĐ 35c, diện tích: 2.348 m² tại xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 326, TĐĐ 35c, diện tích: 2.516 m² tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 6 năm 2022.

(c) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.

(d) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 157, Tờ bản đồ số 69, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 31 tháng 10 năm 2023.

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả khác:		
Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng giám đốc	(409.032.329)	-
Ông Lê Đình Hiến - Chủ tịch HĐQT	(2.110.411)	-
Bà Lê Thị Thủy - Thành viên BKS	(1.718.630)	-
	(412.861.370)	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	(412.861.370)	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả tiền vay – Xem thêm Mục 4.17:		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	(1.020.000.000)	(1.070.000.000)
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	(3.950.000.000)	-
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên BKS	-	(6.150.000.000)
	(4.970.000.000)	(7.220.000.000)
Cộng	(4.970.000.000)	(7.220.000.000)
Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay:		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn	-	3.060.000.000
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên BKS	-	6.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	5.650.000.000	-
	5.650.000.000	9.210.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.17	5.650.000.000	9.210.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Trả nợ vay:		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	50.000.000	1.990.000.000
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên BKS	6.150.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng giám đốc	1.700.000.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.17	7.900.000.000	1.990.000.000

Tập đoàn vay tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất là 0,2% đối với VND và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.345.611.727	796.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000	105.000.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	45.000.000	60.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.630.611.727	1.081.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.117.588.000	830.506.000
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc	603.540.000	276.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	10.000.000	267.967.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	559.988.000	413.056.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	259.428.000	-
Cộng		2.550.544.000	1.788.029.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	2.144.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	1.679.900.000	528.200.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	146.500.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	20.850.000	-
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	183.200.000	140.000.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	69.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	42.008.000	-
Cộng		4.285.458.000	1.740.200.000

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát Công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	444.000.000	206.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	656.000.000	319.800.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	330.000.000	160.590.000
Cộng		1.430.000.000	686.390.000

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên – miễn nhiệm ngày 01/10/2023
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính – bổ nhiệm ngày 01/10/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng – bổ nhiệm ngày 01/10/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026

contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 272 /2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Mẫu số B 01 - DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2021-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.135.154.397	185.655.726.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	74.493.281.520	79.396.065.061
1. Tiền	111		9.493.281.520	35.546.065.061
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	43.850.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.190.943.830	91.568.707.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	31.065.507.500	54.551.302.068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	27.638.289.744	32.521.096.886
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	4.054.414.928
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	19.100.000.000	2.100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	1.773.087.036	4.625.961.539
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(6.385.940.450)	(6.284.068.225)
III. Hàng tồn kho	140		14.607.410.524	13.027.653.119
1. Hàng tồn kho	141	4.8	14.607.410.524	13.027.653.119
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		843.518.523	1.663.300.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	324.074.074
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	843.518.523	1.339.226.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.438.113.521	155.003.299.542
I. Tài sản cố định	220		10.322.217.021	9.887.403.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	7.370.434.763	9.887.403.042
Nguyên giá	222		88.222.103.550	96.148.713.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.851.668.787)	(86.261.310.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.951.782.258	-
Nguyên giá	228		3.139.364.500	124.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.582.242)	(124.364.500)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		145.115.896.500	145.115.896.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	145.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		318.573.267.918	340.659.025.805

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.009.466.225	178.375.764.447
I. Nợ ngắn hạn	310		148.009.466.225	178.375.764.447
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	11.355.121.178	10.838.311.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	125.013.189.735	153.598.058.130
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	255.083.687	470.798.005
4. Phải trả người lao động	314		2.808.125.600	2.843.289.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.687.665.535	4.316.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	306.910.019	1.354.945.033
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	40.000.000	587.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	4.671.365.732	3.200.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		872.004.739	1.167.361.833
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.563.801.693	162.283.261.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	170.563.801.693	162.283.261.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.030.553.178	6.071.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.480.540.335	3.158.895.591
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.480.540.335	3.158.895.591
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		318.573.267.918	340.659.025.805

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	131.745.479.598	167.223.499.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	446.125.955	98.970.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.299.353.643	167.124.529.168
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	124.825.705.309	157.828.060.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.473.648.334	9.296.468.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	42.154.455.010	15.369.177.855
7. Chi phí tài chính	22	5.5	52.140.741	77.534.550
Trong đó, chi phí lãi vay	23		15.652.083	45.872.083
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.897.942.607	14.725.882.146
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.678.019.996	9.862.229.935
10. Thu nhập khác	31	5.7	4.367.550.131	531.361.569
11. Chi phí khác	32	5.8	1.977.890.278	34.695.913
12. Lợi nhuận khác	40		2.389.659.853	496.665.656
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.067.679.849	10.358.895.591
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	(12.860.486)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.080.540.335	10.358.895.591

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.067.679.849	10.358.895.591
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	3.699.860.485	5.063.235.204
Các khoản dự phòng	03		1.573.237.957	3.927.242.254
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.4	(43.136.128.331)	(15.549.177.855)
Chi phí lãi vay	06		15.652.083	45.872.083
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(779.697.957)	3.846.067.277
(Tăng) các khoản phải thu	09		37.230.179.936	(1.199.536.469)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(1.579.757.405)	(4.708.999.480)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(30.995.306.860)	(8.950.648.821)
(Tăng) chi phí trả trước	12		324.074.074	(324.074.074)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.652.083)	(45.872.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(9.742.703)	(690.967.441)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(295.357.094)	(251.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.878.739.908	(12.325.831.091)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.084.508.080)	(3.426.936.532)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.013.299.664	180.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.000.000.000)	(220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	294.580.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.636.684.967	15.369.177.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.565.476.551	12.196.821.323

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.000.000	510.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(597.000.000)	(1.298.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(28.800.000.000)	(14.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.347.000.000)	(15.188.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(4.902.783.541)	(15.317.009.768)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		79.396.065.061	94.713.074.829
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	74.493.281.520	79.396.065.061



Phê duyệt

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 12 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 56 (31/12/2022: 57).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn XI, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBD số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.4. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, xã Tiên Hoàng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng trong 20 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày Mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Thi công xây lắp;
- Bán máy móc thiết bị và bán vật tư.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	141.392.091	14.417.826
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.351.889.429	35.531.647.235
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	43.850.000.000
Cộng	74.493.281.520	79.396.065.061

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,10% đến 3,85%/năm.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,75%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đêng Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	-	110.775.469.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	34.340.427.500	-	34.340.427.500	-
Cộng	145.115.896.500	657.924.000.000	145.115.896.500	571.483.200.000

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2023.

1 R

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	2.776.309.800	1.327.367.000
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	8.181.704.267	28.687.291.754
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Tây Ninh	4.173.979.100	3.506.963.700
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
Công ty CP Công trình và Thương mại Giao thông vận tải	3.528.200.000	3.528.200.000
Các khách hàng khác (*)	7.758.376.385	12.854.541.668
Cộng	31.065.507.500	54.551.302.068

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	4.214.826.758	17.220.082.783
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín (*)	17.193.940.780	9.759.967.896
Các đối tượng khác (**)	6.229.522.206	5.541.046.207
Cộng	27.638.289.744	32.521.096.886

(*) Trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đêng Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả trước các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	15.000.000.000	-
BQL DA ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đơn Dương (*)	4.000.000.000	-
BQL DA ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đam Rông	100.000.000	100.000.000
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	-	2.000.000.000
Cộng	19.100.000.000	2.100.000.000

(*) Là khoản cho Ban QLDA ĐT&XD và công trình công cộng huyện Đơn Dương mượn tiền để đền bù giải phóng mặt bằng công trình Hồ Chứa Nước Kazam theo Công văn số 217/BQLDA ngày 19 tháng 12 năm 2023, không có lãi suất.

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	111.986.301	-	-	-
Tạm ứng với bên liên quan	-	-	3.608.727.539	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	1.655.625.735	-	1.017.234.000	-
Phải thu khác	5.475.000	-	-	-
Cộng	1.773.087.036	-	4.625.961.539	-

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.385.940.450	2.000.000.000	10.477.038.450	4.192.970.225

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khoản nợ đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	2.000.000.000	5 năm	4.646.937.948	2.323.468.974	4 năm
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	3 năm	3.528.200.000	1.764.100.000	2 năm
Công ty CP Thủy điện Liên Gich TT QLKT CT	210.802.502	-	4 năm	210.802.502	105.401.251	3 năm
Cộng đồng Huyện Đatêh	-	-	-	2.033.760.000	-	4 năm
Công ty Cổ phần 508	-	-	-	57.338.000	-	4 năm
Cộng	8.385.940.450	2.000.000.000		10.477.038.450	4.192.970.225	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.368.892.513	-	10.984.360.579	-
Hàng hóa	1.238.518.011	-	2.043.292.540	-
Cộng	14.607.410.524	-	13.027.653.119	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Hồ chứa nước Đông Thanh	7.469.204.899	6.756.974.817
Hồ chứa nước Ka Zam	2.179.724.250	-
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh - Long An	1.841.152.648	-
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.365.291.035	1.105.100.580
Công trình Lộc Sơn	462.519.681	-
Kênh và CTTK Vòm Cỏ Đông - Gói 17	51.000.000	790.000.000
Công trình Đập Bằng Lăng - Đam Rông	-	30.035.182
Nạo vét Suối Tân Lập - Đạ Tẻh	-	1.374.000.000
Nâng cấp Kênh Đạ Ròn, Đạ Đờn	-	38.250.000
Sửa chữa đập WB8 - Lâm Đồng	-	890.000.000
Cộng	13.368.892.513	10.984.360.579

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	84.515.206.727	11.551.507.001	82.000.000	96.148.713.728
Mua trong năm	1.069.508.080	-	-	1.069.508.080
Tặng khác (*)	-	81.792.727	-	81.792.727
Thanh lý, nhượng bán	(9.077.910.985)	-	-	(9.077.910.985)
Tại ngày 31/12/2023	76.506.803.822	11.633.299.728	82.000.000	88.222.103.550
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	77.851.009.124	8.380.083.041	30.218.521	86.261.310.686
Khấu hao trong năm	2.929.441.835	679.867.572	27.333.336	3.636.642.743
Thanh lý, nhượng bán	(9.046.284.642)	-	-	(9.046.284.642)
Tại ngày 31/12/2023	71.734.166.317	9.059.950.613	57.551.857	80.851.668.787
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	6.664.197.603	3.171.423.960	51.781.479	9.887.403.042
Tại ngày 31/12/2023	4.772.637.505	2.573.349.115	24.448.143	7.370.434.763

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 71.688.234.394 VND.

(*) Tặng khác do xác định lại nguyên giá xe ô tô dưới 9 chỗ theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	-	124.364.500	124.364.500
Mua trong năm	3.015.000.000	-	3.015.000.000
Tại ngày 31/12/2023	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	124.364.500	124.364.500
Khấu hao trong năm	63.217.742	-	63.217.742
Tại ngày 31/12/2023	63.217.742	124.364.500	187.582.242
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	2.951.782.258	-	2.951.782.258

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	69.622.793	69.622.793	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP Xây dựng VNICC	2.075.299.095	2.075.299.095	2.665.528.000	2.665.528.000
Công ty CPĐT & XD Công trình Tây Đô	1.871.105.122	1.871.105.122	1.657.495.571	1.657.495.571
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.260.982.952	1.260.982.952	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.078.111.216	6.078.111.216	6.515.288.375	6.515.288.375
Cộng	11.355.121.178	11.355.121.178	10.838.311.946	10.838.311.946

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	75.200.000.000	78.850.220.688
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà (**)	21.600.000.000	21.600.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương (***)	23.837.155.122	-
BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An (****)	4.359.312.000	14.755.515.000
Các khách hàng khác	16.722.613	38.392.322.442
Cộng	125.013.189.735	153.598.058.130

(*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(**) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà liên quan đến công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

(***) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.

(****) Người mua trả tiền trước là BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An liên quan đến công trình vùng chuyên canh cây chanh huyện Bến Lức theo Hợp đồng số 28/HĐXD.2022 ngày 18 tháng 11 năm 2022.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	525.539.402	-	759.418.818	241.107.339	1.043.850.881	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	317.979.121	-	(12.860.486)	9.742.703	295.375.932	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	255.083.687	2.361.323.167	2.577.037.485	-	470.798.005
Các khoản phí, lệ phí	-	-	516.982.371	516.982.371	-	-
Cộng	843.518.523	255.083.687	3.624.863.870	3.344.869.898	1.339.226.813	470.798.005

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước giá vốn công trình Vườn Chanh Long an	332.634.880	1.255.000.000
Trích trước giá vốn công trình nạo vét Suối Tân Lập - Đa Têh	2.221.472.895	-
Trích trước giá vốn công trình nạo vét HCN 'Lôm, Đơn Dương	90.192.727	-
Trích trước giá vốn các công trình còn lại	43.365.033	3.061.000.000
Cộng	2.687.665.535	4.316.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	122.457.524	85.323.633
Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.452.495	1.269.621.400
Cộng	306.910.019	1.354.945.033

16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân	40.000.000	40.000.000	50.000.000	597.000.000	587.000.000	587.000.000
Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất cho vay vốn lưu động của ngân hàng BIDV Lâm Đồng và không đảm bảo bằng tài sản.						

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Đầu tư hạ tầng vườn chanh - Long An	1.392.677.483	-
Hồ chứa nước Đông Thanh - Lâm Hà	1.258.988.318	771.980.630
Các công trình khác	2.019.699.931	2.428.019.370
Cộng	4.671.365.732	3.200.000.000

Dự phòng bảo hành công trình được trích theo tỷ lệ trên doanh thu tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND
Tại ngày 01/01/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	10.520.303.989
Tăng vốn trong năm trước	72.000.000.000	(12.000.000.000)	(60.000.000.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.358.895.591
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 26/04/2022	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 25/04/2021	-	-	-	(7.200.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 01/11/2022	-	-	-	(7.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 26/04/2022	-	-	-	(320.303.989)
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591
Lãi trong năm này	-	-	-	37.080.540.335
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023 của HĐQT	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền ngày 04/08/2023 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	2.030.553.178	15.480.540.335
				170.563.801.693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(28.800.000.000)	(14.400.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	6.071.657.587
Trích trong năm	-
Chi trong năm	(4.041.104.409)
Tại ngày 31/12/2023	2.030.553.178

4.18.6. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện ĐaTết -	-	2.033.760.000	-	-
Ban QLDA hồ Tuyền Lâm -	-	89.104.790	-	-
Công ty CP 508	-	57.338.000	-	-
Cộng	-	2.180.202.790	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	131.745.479.598	167.223.499.228
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	9.406.684.307	5.197.590.587

Doanh thu hợp đồng xây dựng năm nay giảm hơn 21% so với năm trước là do trong năm không phát sinh nhiều công trình mới, trong khi đó, các công trình cũ đã gần hoàn thiện hết các hạng mục.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm doanh thu hợp đồng xây dựng	446.125.955	98.970.060

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	124.825.705.309	157.828.060.392
Giá vốn hợp đồng xây dựng năm nay tương ứng với mức giảm doanh thu trong năm như được thuyết minh tại Mục 5.1.		

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 7	37.642.498.800	14.278.189.200
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 7	111.986.301	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.399.969.909	1.090.988.655
Cộng	42.154.455.010	15.369.177.855

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	15.652.083	45.872.083
Chi phí tài chính khác	36.488.658	31.662.467
Cộng	52.140.741	77.534.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	6.522.332.904	4.749.687.951
Chi phí vật liệu quản lý	100.272.727	103.714.881
Chi phí khấu hao TSCĐ	770.418.650	1.015.608.084
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	2.192.970.225	4.192.970.225
Chi phí xóa nợ	89.104.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.690.194	1.715.034.855
Chi phí khác bằng tiền	3.017.153.117	2.945.866.150
Cộng	13.897.942.607	14.725.882.146

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán vật tư cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	16.468.637	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	727.272.728	-
Bán vật tư	2.001.079.401	60.867.273
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	254.400.593	180.000.000
Xóa công nợ	948.328.772	144.882.424
Thu nhập khác	420.000.000	145.611.872
Cộng	4.367.550.131	531.361.569

Thu nhập khác năm nay tăng hơn 722% so với năm trước chủ yếu là do thu nhập đến từ việc bán vật tư tại công trình.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán vật tư	1.878.308.379	34.695.900
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	99.465.002	-
Các khoản khác	116.897	13
Cộng	1.977.890.278	34.695.913

Chi phí khác năm nay tăng hơn 5601% so với năm trước là chủ yếu do chi phí giá vốn bán vật tư tại công trình và chi phí phạt thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.458.868.166	136.543.097.621
Chi phí nhân công	15.840.465.957	17.673.943.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.699.860.485	5.063.235.204
Chi phí dự phòng	2.192.970.225	4.192.970.225
Chi phí xóa nợ	89.104.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.778.794.783	8.541.257.761
Chi phí khác bằng tiền	7.048.115.444	5.283.133.850
Cộng	141.108.179.850	177.297.637.912

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.067.679.849	10.358.895.591
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo Luật thuế TNDN	255.741.947	2.290.748.613
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm theo Luật thuế TNDN (*)	(37.642.498.800)	(14.278.189.200)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(1.341.555.539)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.660.632.543)	(1.628.544.996)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023	9.742.703	-
Trừ: Chi phí Thuế TNDN do hạch toán sai năm trước	(22.603.189)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(12.860.486)	-

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1.6 tỷ, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi...

(*) Lợi nhuận sau thuế được chia từ công ty con.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000	510.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(597.000.000)	(1.298.000.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	2.690.539.800	1.327.367.000
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	85.770.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	2.776.309.800	1.327.367.000
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước thương mại:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40 (*)	4.214.826.758	12.932.544.098
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	4.287.538.685
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	4.214.826.758	17.220.082.783

(*) Là khoản ứng trước theo theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 để thực hiện công trình xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, huyện Đức Trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000.000.000	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước lãi cho vay - Xem thêm Mục 4.6:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301	-
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(69.622.793)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	3.350.886.354	4.576.429.893
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	6.897.682.000	1.052.083.000
Cộng	10.248.568.354	5.628.512.893
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.1	9.406.684.307	5.197.590.587
Thuế từ doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	841.884.047	430.922.306
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán vật tư:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	18.115.500	-
Trong đó:		
Bán vật tư cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.7	16.468.637	-
Thuế từ bán vật tư cho các bên liên quan	1.646.863	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	800.000.000	-
Trong đó:		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.7	727.272.728	-
Thuế từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho các bên liên quan	72.727.272	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	11.004.662.789	20.133.698.664
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	5.330.155.840	8.093.252.000
Cộng	16.334.818.629	28.226.950.664
Trong đó:		
Mua hàng và dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế	14.943.797.958	25.795.925.891
Thuế từ mua hàng và dịch vụ cho các bên liên quan	1.391.020.671	2.431.024.773
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi cho vay – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	111.986.301	-
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	37.642.498.800	14.278.189.200
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cho vay:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	-

(*) Đây là khoản vay tiền từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – công ty mẹ nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,2%/năm theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/LHC – LBM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.345.611.727	796.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000	105.000.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	45.000.000	60.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Công Ngọn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.630.611.727	1.081.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.117.588.000	830.506.000
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc	603.540.000	276.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	10.000.000	267.967.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	559.988.000	413.056.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	259.428.000	-
Cộng		2.550.544.000	1.788.029.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	2.144.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	1.679.900.000	528.200.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	146.500.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	20.850.000	-
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	183.200.000	140.000.000
Ông Hậu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	69.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	42.008.000	-
Cộng		4.285.458.000	1.740.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	444.000.000	206.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	656.000.000	319.800.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	330.000.000	160.590.000
Cộng		1.430.000.000	686.390.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 04 năm 2024






XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quý



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

-  Địa chỉ: Số 87 Đ.Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
-  Điện thoại: (0263) 3821 854
-  Số Fax: (0263) 3832 542
-  Website: www.lhc.com.vn
-  Email: xdthuyloild@gmail.com